

23. XÃ LONG ĐỊNH

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường cao tốc Trung Lương - TP.HCM và cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Đoạn còn lại bên có đường gom dân sinh (không thuộc Đường huyện 39B)	Toàn tuyến	560
2	Quốc lộ 1	Đường nhựa Cầu đá (ranh xã Phước Thạnh - Tam Hiệp)	Giáp cầu Kinh Xáng	4.160
		Cầu Kinh Xáng	Ngã ba Đông Hòa	4.290
		Ngã ba Đông Hòa	Cầu Sao	2.730
3	Đường tỉnh 867	Giáp Quốc lộ 1	Trung tâm Bảo vệ Thực vật phía Nam	2.990
		Giáp Trung tâm Bảo vệ Thực vật phía Nam	Đường kênh Kháng Chiến (ĐH.38B)	2.340
		Đường kênh Kháng Chiến (ĐH.38B)	Giáp xã Tân Phước 3	1.690
4	Đường tỉnh 876	Ngã ba Đông Hòa	Trở vào 100m (từ mốc lộ giới Quốc lộ 1)	3.380
		Từ 100m (cách mốc lộ giới Quốc lộ 1)	Ngã ba Bình Trung	2.730
		Ngã ba Bình Trung	Đường huyện 35	3.250
5	Đường huyện 35	Ranh xã Vĩnh Kim và Long Hưng	Đường tỉnh 876	820
6	Đường huyện 38 (đường Kênh Quảng Thọ - Kênh Phủ Chung)	Xã Long Định	Sông Chợ Bưng	680
7	Đường Kênh	Toàn tuyến		600

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
	Kháng Chiến (đường huyện 38B)			
8	Chợ Long Định	Đất tiếp giáp đường nội ô chợ	Toàn tuyến	4.550
9	Chợ Gò Lũy (xã Nhị Bình)	Toàn tuyến		1.690
10	Chợ Đông Hòa	Toàn tuyến		2.990
11	Đường tỉnh 867 cũ	Quốc lộ 1	Cuối đường vào chợ Long Định	4.200
		Cuối đường vào chợ Long Định	Giáp Đường tỉnh 867	2.760
12	Đường vô Bệnh viện Tinh Đội; đường nhựa kênh Tám Mét	Quốc lộ 1 đến	Cầu kinh Kháng Chiến	1.680
13	Đường nhựa kênh Tám Mét	Cầu Kinh Kháng Chiến	Cầu Kinh Năng	1.000
14	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (đường nhựa phía mặt tiền đất cấp lộ); đường kênh Kháng Chiến (đường xã phía mặt tiền đất nằm cấp lộ); đường kênh 6 m (phía mặt tiền đất nằm cấp lộ); đường đan Tây 1; đường đan Tây 2 (phía mặt tiền đất cấp lộ); đường đan Dương Văn Quang (phía mặt tiền đất cấp lộ); đường Dương Văn Bể (phía mặt tiền đất cấp lộ); đường Giồng Dứa; đường nhựa kênh Tám Mét (đoạn còn lại); đường Huỳnh Công Ký đoạn từ Quốc lộ 1 đến giáp đường kênh 6 m (phía mặt tiền đất cấp lộ); Đường Lê Thị Còn đoạn từ đường nhựa kênh Tám Mét đến đường Đông kênh Nguyễn Tân Thành (phía bên đường đất cấp lộ); đường Đông kênh Nguyễn Tấn Thành; đường đan nối liền đường đan Tây 1 và Tây 2			900

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
15	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (đường nhựa phía có kênh công cộng nằm song song lộ) (giống đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa mục 5 nhưng phía bên kênh); đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (đường đan phía mặt tiền đất cặp lộ); lộ Bồ Xoài; đường kênh Kháng Chiến (đường xã phía có kênh công cộng nằm song song lộ)(giống đường kênh KHáng Chiến mục 5 nhưng tính phía bên kênh); đường kênh 6 m (phía có kênh công cộng nằm song song lộ) (giống đường kênh 6m mục 5 nhưng tính bên kênh); đường Bắc và Nam Kinh Giữa; đường đan ấp Keo; đường đan Tây 2 (phía có kênh công cộng nằm song song lộ) (giống mục 5 nhưng tính bên kênh); đường Dương Văn Bể (phía có kênh)(giống mục 5); đường đan Dương Văn Quang (phía có kênh)(giống mục 5); đường Huỳnh Công Ký đoạn từ đường kênh 6m đến Đường huyện 38 (phía mặt tiền đất cặp lộ); đường Lê Thị Còn đoạn từ đường nhựa kênh Tám Mét đến đường Đông kênh Nguyễn Tấn Thành (phía bên kênh); đường Huỳnh Công Ký đoạn từ Quốc lộ 1 đến kênh 6 m (phía có kênh) (giống mục 5); đường Sáu Lộc (phía mặt tiền đất cặp lộ); Đường Bồ Tây kênh Nguyễn Tấn Thành (đoạn từ cầu Kinh Xáng đến ranh xã Đông Hòa cũ)			620
16	Đường Cầu Đá (ấp Đông); đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (đường đan phía có kênh công cộng nằm song song lộ) giống mục 6 tuyến đan nhưng tính phía kênh); đường Hà Văn Côi; đường đan ấp Kinh 2A; đường Bắc Tư Xưa, đường Nam Tư Xưa; đường Huỳnh Công Ký đoạn từ đường kênh 6 m đến Đường huyện 38 (phía có kênh)(giống mục 6 nhưng tính phía kênh); đường kênh ngang ấp Trung đoạn từ Đường nhựa kênh Tám Mét đến đường đan lộ Bồ Xoài; đường đan kênh Đường Lương (đoạn từ kênh 6 mét đến Cầu Đoàn Thanh Niên và đường tư Bắc Tư Xưa đến giáp đường huyện 38); Đường đan và đường nhựa cặp kênh Sáu Âu - Xoài Hột; đường Sáu Lộc (phía kênh) (giống mục 6 nhưng tính phía kênh); đường đan Cầu Dừa; Đường Nam Cầu Ván (đoạn từ đường tỉnh 867 đến giáp xã Nhị Bình cũ); Đường sáu Mì và đường Tư Tiết			520
17	Đường Gò Lũy	Quốc Lộ 1	Đường Phạm Văn Khuê	810
		Đường Phạm Văn Khuê	Khu nghĩa địa	630
		Đoạn còn lại		460



STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
18	Nguyễn Văn Nhồng	Giáp Nguyễn Việt Bút	cầu Dương Diễm	700
19	Nguyễn Việt Bút	Quốc Lộ 1	Đường Nguyễn Việt Bút	700
20	Phạm Văn Lù	Quốc Lộ 1	Cầu kênh Kháng Chiến	700
21	Đường Hồ Văn Màng	Toàn tuyến		520
22	Đường Phạm Văn Khuê	Toàn tuyến		520
23	Đường Nguyễn Văn Bảy	Toàn tuyến		520
24	Đường Trần Văn Hoành	Toàn tuyến		520
25	Đường cặp kênh 26/3	Toàn tuyến		520
26	Đường Phan Thanh	Toàn tuyến		520
27	Đường ấp Tây B	Đường tỉnh 876	Đường bờ Tây kênh Nguyễn Tấn Thành	550
28	Đường đan ấp Thới (đường Bờ Miếu)	Toàn tuyến		550
29	Đường lộ mới ấp Dầu	Đường tỉnh 876	Ranh xã Long Hưng	550
30	Đường đan cầu Trâu	Toàn tuyến		550
31	Đường Cao Văn Kỳ	Đường tỉnh 876	Đường cặp kênh 26/3	550
32	Đường đan Đồng Xếp 2,0 m	Đường tỉnh 876	Cầu Tây B	550
33	Đường Bờ Làng	Đường tỉnh 876	Đường Tam Bảo	550

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
34	Đường kênh giữa ấp Tây B	Đường tỉnh 876	Kênh Kháng Chiến	550
35	Đường ranh ấp Tân Trang và ấp Trung 1	Toàn tuyến		550
36	Đường đan cặp kênh Phan Tấn Thời (đoạn đường đan hiện hữu)	Toàn tuyến		550
37	Đường Bờ Tây kênh Nguyễn Tấn Thành	Ranh xã Long Định cũ	Giáp ranh xã Long Hưng	550
38	Đường đan ấp Đông A 1 - ấp Ngươn	Toàn tuyến		520
39	Đường bờ Đông Kinh Kháng Chiến	Đường ruột ấp Ngươn	Đường lộ mới ấp Dầu	520
40	Đường bờ Tam Bảo	Toàn tuyến		520
41	Đường Trường THCS Tây B	Lộ nhựa Tây B	Kênh Sao Hậu	520
42	Đường đan 30/4	Đường Cầu Trâu đến	Quốc lộ 1	520
43	Đường đan ấp Đông B	Lộ Cầu Trâu	Giáp đường ruột ấp Ngươn	520
44	Đường liên ấp Tây B - ấp Trung 1	Lộ nhựa Tây B	Giáp kênh Sao Hậu	520
45	Đường đan cặp kênh Mười Nhũng	Tuyến đường đan kênh Kháng Chiến	Ranh xã Đông Hòa cũ	520
46	Đường số 3 ấp Tây B	Toàn tuyến		520

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
47	Đường địa tre ấp Dầu	Toàn tuyến		520
48	Đường bờ tre ấp Đông B	Toàn tuyến		520
49	Đường số 1 ấp Đông B	Toàn tuyến		520
50	Đường số 5 ấp Dầu	Toàn tuyến		520
51	Đường số 2 ấp Thới	Toàn tuyến		520
52	Đường ấp Thới - ấp Dầu	Toàn tuyến		520
53	Đường ruột ấp Ngươn	Toàn tuyến		520

24. XÃ BÌNH TRƯNG

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường cao tốc Trung Lương - TP.HCM và cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Đường huyện 32 (Đường huyện Thân Cửu Nghĩa)	Đường huyện 38 (Đường Kênh Quảng Thọ-Kênh Phú Chung)	1.050
2	Quốc lộ 1	Từ Cầu Sao	Lộ 24 (địa phận Diêm Hy); đường Hai Niên (địa phận Dưỡng Diêm)	2.340
		Lộ 24 (địa phận Diêm Hy); đường Hai Niên (địa phận Dưỡng Diêm)	Giáp Thị xã Cai Lậy	2.080
3	Đường tỉnh 876	Đường An Dưỡng Địa	Ngã ba Bình Trưng	2.730
		Ngã ba Bình Trưng	Ban Chỉ huy Quân sự huyện cũ	3.250
4	Đường tỉnh 874	Quốc lộ 1	Giáp Thị xã Cai Lậy	1.200
5	Đường huyện 36 (đường Dưỡng Diêm - Bình Trưng)	Quốc lộ 1	Ngã ba Dưỡng Diêm - Hữu Đạo	1.560
		Ngã ba Dưỡng Diêm - Hữu Đạo	Đường tỉnh 876	1.300
6	Đường Kênh Kháng Chiến (đường huyện 38B)	Toàn tuyến		600
7	Chợ Dưỡng Diêm	Toàn tuyến		2.340
8	Chợ Diêm Hy	Toàn tuyến		2.990
9	Chợ Hữu Đạo	Toàn tuyến		980
10	Đường đân số 1	Toàn tuyến		830
11	Đường đân số 2	Toàn tuyến		830
12	Đường cầu Chú Dền	Toàn tuyến		830
13	Đường Dưỡng Diêm Hữu Đạo	Toàn tuyến		830

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
14	Đường Nguyễn Văn Thành	Toàn tuyến		620
15	Đường ấp Trung - Tây	Toàn tuyến		520
16	Đường Bờ Cà Chín	Toàn tuyến		520
17	Đường lộ 25	Toàn tuyến		520
19	Đường Dưỡng Diêm - Hữu Đạo	Toàn tuyến		690
20	Đường Cao Văn Kỳ, đường Nguyễn Văn Thành	Toàn tuyến		620
21	Đường Thẽ 25	Toàn tuyến		550
22	Đường Hữu Thuận - Hữu Lợi	Toàn tuyến		550
23	Đường Bờ Cà Chín	Toàn tuyến		550
24	Đường Trần Văn Rớt (ấp Hữu Lợi, Hữu Thuận)	Toàn tuyến		550
25	Đường Ô Cây Bàng (ấp Hữu Lợi)	Toàn tuyến		550
26	Đường Ô Bàn Cờ	Toàn tuyến		520
27	Đường Cây Vông	Toàn tuyến		520
28	Đường vào trường Tiểu học Hữu Đạo	Toàn tuyến		520
29	Đường tổ 2 ấp Hữu Lợi	Toàn tuyến		520
30	Đường kênh Hội đồng	Toàn tuyến		520
31	Đường tổ 9 (ấp Hữu Lợi)	Toàn tuyến		520
32	Đường kênh Kháng Chiến	Đường huyện 36	Cầu Hữu Lợi	520
33	Đường Phan Thanh	Giáp ĐT. 876	Cầu Phan Thanh	620
34	Đường vào trường mẫu giáo Vĩnh Kim	Toàn tuyến		620

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
35	Đường Kênh Mới	Toàn tuyến		520
36	Đường Tạ Văn Lướt - Nhị Bình	Toàn tuyến		520
37	Đường Phan Thanh (phần còn lại)	Toàn tuyến		520
38	Đường Phạm Văn Sung - Hữu Đạo	Toàn tuyến		520
39	Đường Cầu 2 Me	Toàn tuyến		520
40	Đường Trần Việt Tiến	Toàn tuyến		520
41	Đường Đông kênh 26/3	Cầu Mười Thân	Giáp ranh xã Nhị Bình	520
42	Đường Bùi Tấn Công	Đường Phạm Văn Sung	Giáp ranh xã Bàn Long	520
43	Đường Dừa Đôi	Toàn tuyến		520
44	Đường Trần Văn An	Toàn tuyến		520
45	Đường Dương Văn Phẩm	Toàn tuyến		520
46	Lộ Cầu Sao	200m từ Quốc lộ 1	Kênh Kháng Chiến	760
		Kênh Kháng Chiến	Cầu Sao cũ	700
		Cầu Sao cũ	Cầu Chùa	520
		Đoạn còn lại		520
47	Lộ 24	Quốc lộ 1	Lộ kênh Ngang 1	700
		Lộ kênh Ngang 1	Kênh Kháng Chiến	520

25. XÃ VĨNH KIM

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 864	Cổng 26/3	Cầu Phú Phong	2.080
		Cầu Phú Phong	Giáp đường liên xã Phú Phong - Bàn Long	2.600
		Đường liên xã Phú Phong - Bàn Long	Giáp ranh huyện Cai Lậy	1.690
2	Đường tỉnh 876	Ban Chỉ huy Quân sự huyện cũ	Cầu Vĩnh Kim (cầu Sắt)	3.900
		Cầu Vĩnh Kim (cầu Sắt)	Giáp Đường tỉnh 864	3.120
3	Đường huyện 35 (đường Thanh Phú - Bàn Long)	Ranh xã Vĩnh Kim	Đường tỉnh 876	820
		Đường Võ Văn Dường	Cổng Cây Da	2.600
		Cổng Cây Da	Cầu Sập	900
		Từ Cầu Sập	Đến ranh xã Long Tiên	600
4	Chợ Phú Phong			2.730
5	Chợ Vĩnh Kim			4.810
6	Từ Đường tỉnh 876 đến hết đường Võ Văn Dường, đường cống ấp văn hóa Vĩnh Thạnh (từ ĐT 876 đến sông Rạch Gầm)			4.440
7	Các đường thuộc khu khoanh bao của xã có mặt đường rộng từ 3m trở lên, đường Phạm Ngọc Lân (từ cầu Ô Thước đến cổng Cây Da), đường Đặng Thị Biết, đường Võ Văn Dường			2.160
8	Các đường thuộc khu khoanh bao của xã có mặt đường rộng từ 1,5 m đến dưới 3 m; đường vào Trường Mầm non; trường Tiểu Học; trường THCS Vĩnh Kim			760

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
9	Đường đan cấp sông Rạch Gầm; đường Nguyễn Văn Hữu; đường Vĩnh Quí - Bàn Long (đoạn từ cầu Ô Thước đến cầu Bà Tét); đường từ cầu kênh Mới đến cầu Bàn Long; đường kênh 26/3; đường Lê Hồng Lễ (từ Đường huyện 35 đoạn ranh xã Song Thuận); đường 30/4 (ấp Vĩnh Bình) đường Đỗ Văn Pháo; đường Phạm Ngọc Lân; đường Nguyễn Ngọc Trung; đường Nguyễn Văn Chính; đường Phạm Ngọc Lân (từ cống Cây Da đến ranh xã Bàn Long); đường Bờ Ngang; đường Vĩnh Quí - Kim Sơn (đoạn từ cầu Ô Thước đến giáp ranh xã Kim Sơn); đường Lương Tấn Đức; đường Phạm Văn Nâu; đường Đường tổ 7; Đường Cây Gừa; đường Liên ấp Vĩnh Thạnh - Vĩnh Bình - Vĩnh Hòa (đoạn Vĩnh Bình - Vĩnh Hòa); Đường Nguyễn Văn Nghĩa; đường Ngô Hà Thành; đường Tổ 7 (ấp Vĩnh Thới); đường Cây Gừa; đường Bờ Cỏ Sả, đường Đoàn Thị Giàu (đoạn từ ĐT 876 đến ranh xã Kim Sơn), đường Cây Sộp, đường bờ ranh Tụng			520
10	Đường Kênh Mới; đường đến Trung tâm xã			480
11	Đường tổ 1+6 ấp Long Thành A; đường ấp Long Thành B; đường Trần Thị Đình ở ấp Long Thạnh; đường Nguyễn Văn Chính ấp Long Thạnh; đường tổ 6 ấp Long Trị; đường Bờ Me ấp Long Hoà A; đường tổ 7 ấp Long Trị (đoạn đường đan); đường tổ 8 và 9 (đoạn từ Đường huyện 35 đến ranh xã Hữu Đạo); đường từ UBND xã Bàn Long đến ranh xã Mỹ Long (Cai Lậy); đường Gò Trại, đường liên xã Bàn Long, Hữu Đạo, Phú Phong.			360
12	Đường vào Trạm Y tế từ Đường tỉnh 864 đến giáp đất Đình Phong Phú; đường Hòa - Ninh - Thuận (đoạn từ giáp Đường tỉnh 864 đến cầu Phú Ninh); đường liên xã Phú Phong - Bàn Long đoạn từ đường tỉnh 864 đến cầu Ngã Ba Lớn; đường phía Tây cấp sông Phú Phong (đoạn từ giáp Đường tỉnh 864 đến đường vào Trường Tiểu học Phú Phong); đường liên ấp Quới Long (đoạn từ giáp đường liên xã Phú Phong - Bàn Long) đến cầu số 1			1.100
13	Đường Nguyễn Văn Thới (đoạn từ Cầu số 1 đến giáp đường Phan Văn Thuận); đường Võ Văn Nhiều (đoạn từ cầu Phú Ninh đến giáp xã Bàn Long); đường Huỳnh Văn Ngọc (đoạn từ tỉnh lộ 864 đến hết ranh giải phóng mặt bằng cống ngăn mặn Phú Phong)			750



26. XÃ KIM SƠN

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 870	Đường tỉnh 864	Đường huyện 34	3.380
2	Đường tỉnh 864	Đoạn từ giáp phường Trung An	Cầu Xoài Hột	6.760
		Cầu Xoài Hột	Cầu Kinh Xáng	4.030
		Cầu Kinh Xáng	Cổng 26/3	3.120
		Cổng 26/3	Cầu Phú Phong	2.080
3	Đường tỉnh 876	Cầu Vĩnh Kim (cầu Sắt)	Giáp Đường tỉnh 864	3.120
4	Mặt tiền khu vực chợ Bình Đức	Toàn tuyến		3.120
5	Chợ Song Thuận	Toàn tuyến		2.990
6	Chợ Rạch Gầm	Toàn tuyến		1.820
7	Đường huyện 34 (đường Long Hưng - Thạnh Phú)	Cổng 2 Đồng Tâm	Đường tỉnh 870	1.560
8	Đường vào bến đò Thới Sơn; đường vào UBND xã Bình Đức cũ; đường vào Chợ Bình Đức			2.160
9	Đường cổng 1 Đồng tâm; đường công cộng khu dân cư khoanh bao của xã có mặt cắt ngang từ 2,5m trở lên (mặt đan); đường tổ 8 - 9 ấp Tân Thuận B			1.560
10	Đường vành đai Bình Đức (toàn tuyến); đường nhựa ấp Lộ Ngang (toàn tuyến); đường khu bao xã có mặt cắt ngang từ 2,5m trở xuống			550
11	Đường lộ Me (toàn tuyến)	Đường tỉnh 876	Cầu 2 Trinh	1.100
12	Đường Bờ Tây kênh Nguyễn Tấn Thành (toàn tuyến), Đường vành đai Bình Đức (toàn tuyến), đường nhựa ấp Lộ Ngang (toàn tuyến), đường khu bao xã có mặt cắt ngang từ 2,5m trở xuống (mặt đan); đường đan bờ Tây sông Rạch Gầm; đường 26/3			460

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
13	Đường đan Tống Văn Lộc (toàn tuyến); Đường Nguyễn Văn Nhân (toàn tuyến); Đường Tây cầu Cống; Đường Đông cầu Cống; Đường 8 Tý; Đường tổ 6 (Mỹ Thanh); Đường Lộ Đồn; Đường Đê bờ Tây kênh Nguyễn Tấn Thành; Đường 7 Cương; Đường 3 Liên - 2 Phát; Đường 3 Quan - 6 Biền; Đường 3 Phong; Đường 5 Tới; Đường Tư Lớn; Đường trường tiểu học; Đường 2 Giỏi - 7 hồ; Đường 7 Cao; Đường 2 Chắc; Đường 9 Thiện; Đường 2 Hạng; Đường 2 Nồi Đất; Đường Kim Tinh; Đường Lộ Thầy Một (Từ đường tỉnh 876 đến đường Bờ Cỏ Sả); Đường Bờ Cỏ Sả (toàn tuyến); Đường Lộ mới Ấp Đông (toàn tuyến); Đường lộ Mới ấp Tây (toàn tuyến); Đường lộ Bờ xe (toàn tuyến); Đường 20/1 (từ đường tỉnh 864 đến đường trung tâm ấp Hội); Đường Cây Trôm (toàn tuyến); Đường Thái Văn Thành (toàn tuyến); Đường Trần Văn Tất (toàn tuyến); Đường Thanh niên xung phong (toàn tuyến); Đường chùa Vạn Phước; Đường Kênh Nganh (toàn tuyến); Đường 30/4 (toàn tuyến); Đường 1A (ấp Tây)			520



27. XÃ MỸ TỊNH AN

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 879 (trừ Chợ Tịnh Hà)	ranh xã Lương Hoà Lạc	hết ranh tỉnh Tây Ninh	900
2	Đường tỉnh 879B	Đoạn thuộc xã Mỹ Tịnh An		830
3	Đường tỉnh 878B, (trừ chợ Tịnh Hà, An Khương)	Ranh xã Châu Thành	Đường tỉnh 879B	1.030
4	Đường huyện 30 (Đường Dương Văn Khoa)	Đầu Đường tỉnh 879	Nghĩa trang liệt sĩ Trung Hòa	620
		Nghĩa trang liệt sĩ Trung Hòa	Giáp Đường tỉnh 879B	550
5	Đường huyện 30B (Đường Huỳnh Văn Trừ)	Đường đan áp 2 ấp Hòa Quới (xã Hòa Tịnh cũ)	Cầu Hộ Tài, ranh xã Châu Thành	520
6	Đường huyện 29 (Đường Trần Văn Hai (trừ Chợ Trung Hòa)	Đường tỉnh 878B	Ranh tỉnh Tây Ninh	550
7	Đường huyện 28B (Đường Kênh Nhỏ)	Đoạn thuộc xã Mỹ Tịnh An		550
8	Đường huyện 28C (Đường Miếu Điện)	Ranh tỉnh Tây Ninh	Đường tỉnh 879	520
9	Chợ Tịnh Hà	Trong khu vực chợ và phạm vi 300m	về bốn hướng	1.560
10	Chợ An Khương	Trong khu vực chợ và phạm vi 300m cấp đường tỉnh 878B	về 2 hướng	1.950
11	Chợ Trung Hòa	Khu vực chợ phạm vi 200m về 3 hướng	về 3 hướng	900
12	Đất ở vị trí mặt tiền ngã ba Tân Bình Thạnh các hướng trong phạm vi 500 m (xã Tân Bình Thạnh)			1.200

28. XÃ LƯƠNG HÒA LẠC

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 879, (trừ chợ Lương Hòa Lạc, chợ Phú Kiết)	Ranh phường Đạo Thanh	Đình Lương Phú A	1.030
		Đình Lương Phú A	Đường Chùa Triều Long	1.560
		Đường Chùa Triều Long	Cầu Bến Tranh	2.160
		Cầu Bến Tranh	Ranh phía Bắc Chùa Ông	2.160
		Ranh phía Bắc Chùa Ông	Ranh Phú Kiết (cũ) - Lương Hòa Lạc (cũ)	970
		Ranh Phú Kiết (cũ) – Lương Hòa Lạc (cũ)	Giáp ranh xã Mỹ Tịnh An	900
2	Đường tỉnh 879B, (trừ chợ Thanh Bình)	Khu vực ranh Phường Mỹ Phong phạm vi 200 m		1.440
		Đoạn còn lại (thuộc xã Thanh Bình cũ)		970
3	Đường huyện 28 (Đường huyện 31 cũ)	Trong phạm vi 500 m so với Đường tỉnh 879 và Đường tỉnh 879B		760
		Đoạn còn lại		620
4	Đường huyện 28B (Đường Kênh Nhỏ)	Trong phạm vi 500 m so với Đường tỉnh 879 và Đường 879B		620
		Đoạn còn lại		550
5	Đường huyện 27 (Đường số 6)	Trong phạm vi 500 m so với Đường tỉnh 879C		830
		Đoạn còn lại (Thuộc xã Lương Hòa Lạc Mới)		760
6	Đường Lộ Đình	Đoạn xã Lương Hòa Lạc mới		620
7	Chợ Lương Hòa Lạc	Các vị trí đất tiếp giáp đường thuộc khu vực chợ:		
		Từ cầu Bến Tranh cập Đường tỉnh 879 về hướng TP. Mỹ Tho cũ		2.730
		Từ cầu Bến Tranh cập Đường tỉnh 879 về hướng xã Phú Kiết		2.730
		Từ cầu Bến Tranh cập đường bờ kênh Bảo Định về hướng TP. Mỹ Tho cũ		1.300
8	Chợ Thanh Bình	Dãy phố chợ và khoảng cách 300 m về 4 hướng đường nhựa tỉnh, huyện quản lý		2.730
9	Chợ Phú Kiết	Dãy phố chợ và khoảng cách 300 m về 2 hướng Đường tỉnh 879		1.300



29. XÃ TÂN THUẬN BÌNH

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường Nguyễn Hữu Huân (Tuyến tránh Quốc lộ 50)	xã chợ Gạo	xã An Thạnh Thủy	2.860
2	Đường tỉnh 879C, (trừ chợ Đăng Hưng Phước)	Giáp xã Chợ Gạo	Trường Tiểu học Đăng Hưng Phước	1.030
		Đoạn còn lại (thuộc xã Đăng Hưng Phước)		1.030
3	Chợ Đăng Hưng Phước	Từ Trường THCS Đăng Hưng Phước đến Chợ Ông Văn		2.730
4	Đường tỉnh 879D (Cần Đức - Chợ Gạo)	Tân Thuận Bình - Quơn Long		1.030
5	Đường huyện 27 (Đường số 6)	Trong phạm vi 500m so với đường tỉnh 879C		830
		Đoạn còn lại		760
6	Đường huyện 27B (Đường số 7)	Từ cầu số 7 đến đường huyện 27		550
7	Đường huyện 27C (đường Lộ Làng)	Trong phạm vi 100m so với ĐT.879C (tính từ mốc lộ giới) đường vào Lộ Làng		550
		Đoạn còn lại (xã Đăng Hưng Phước- xã Long Bình Điền cũ		470
8	Đường huyện 27D (đường 8 tháng 3)	Đường huyện 27	đường huyện 26B	470
9	Đường huyện 27E (đường Kênh Ngang)	Từ cầu Lê Văn Trừ đến đường huyện 25 C		470
10	Đường huyện 26 (Đường 26/3), (trừ chợ Tân Thuận Bình)	Đầu Đường tỉnh 879C	Khu di tích Óc Eo	900
		Đoạn còn lại thuộc xã Tân Thuận Bình và Quơn Long		550
11	Đường huyện 26B (Đường Cả Quới)	Phạm vi 150 m từ Đường tỉnh 879C vào Đường huyện 26B		830
		Từ mét 150	giáp xã Chợ Gạo	550

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
12	Đường huyện 26C (đường Ba Cà - Đê Quơn Long - Đê Rạch Trâm - Ninh Đồng - đường Long Hiệp), (trừ khu vực chợ Tân Thuận Bình)	Trong phạm vi 100m so với ĐT 879D (tính từ mốc lộ giới) về 2 hướng vào Đường huyện 26C		550
		Trong phạm vi 80m so với Đường huyện 25		520
		Đoạn còn lại (xã Tân Thuận Bình - xã Quơn Long)		470
13	Đường huyện 25 (Đường Tây Bắc kênh Chợ Gạo), (trừ chợ Quơn Long)	Đường Dương Văn Khoa (TT.Chợ Gạo)	Ranh xã Đồng Sơn (huyện Gò Công Tây)	800
14	Chợ Quơn Long	Giao đường Lộ Me Đường nhựa trung tâm xã		2.340
15	Đường huyện 25C (Đường Ốc Eo)	Tuyến tránh Quốc lộ 50	Cầu Sập	830
		Đoạn còn lại (thuộc xã Tân Thuận Bình)		700
16	Chợ Tân Thuận Bình	Khu vực chợ 200 m về 3 hướng (Tân Thuận Bình - Quơn Long - Long An)		900



30. XÃ CHỢ GẠO

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 50	Ranh Mỹ Tho - Chợ Gạo	Ngã năm Long Bình Điền	2.730
2	Đường 3/2 (Quốc lộ 50 cũ)	Ngã năm Long Bình Điền	Cầu Chợ Gạo (Cầu Dây văng)	2.860
3	Đường 30/4 (Quốc lộ 50 cũ)	Cầu Chợ Gạo (Cầu dây văng)	Cầu Bình Phan	2.860
4	Đường Nguyễn Hữu Huân (Tuyến tránh Quốc lộ 50)	Ngã năm Long Bình Điền	Cầu Bình Phan (mới)	2.860
5	Đường tỉnh 879C, (trừ chợ Đăng Hưng Phước)	Quốc lộ 50	Cầu Thạnh Lợi (Tên cũ: Ranh khu dân cư Long Thạnh Hưng)	1.680
		Cầu Thạnh Lợi (Tên cũ: Ranh khu dân cư Long Thạnh Hưng)	Hết ranh xã Chợ Gạo (Tên cũ: Trường THCS Đăng Hưng Phước)	1.030
6	Đường huyện 27B (Đường số 7)	Phạm vi 150 m từ Quốc lộ 50 (tính từ mốc lộ giới) vào Đường huyện 27B		1.200
		Khu vực chợ Điền Mỹ trong phạm vi 100 m (trên tuyến Đường huyện 27B)		760
		Đoạn còn lại (trừ khu vực chợ Điền Mỹ) từ mét 150 đến giáp Đường huyện 27 (Đường số 6)		550
7	Đường huyện 27C (đường Lộ Làng)	Trong phạm vi 80m so với ĐH.24B (tính từ mốc lộ giới) đường vào Lộ Làng		520
		Đoạn còn lại (xã Đăng Hưng Phước - xã Song Bình)		470
8	Đường huyện 27D	Đường huyện 24B	Hết ranh xã Chợ Gạo - xã Tân Thuận Bình	470
9	Đường huyện 27E (đường Kênh Ngang)	Trong phạm vi 100 m so với Đường tỉnh 879C về 2 hướng vào Đường huyện 27E		430
		Trong phạm vi 80m so với Đường huyện 25C		520
		Trong phạm vi 80m so với Đường huyện 24B		520
		Đoạn còn lại (xã Chợ Gạo) (Tên cũ: Đoạn còn lại (xã Tân Thuận Bình - xã Song Bình))		470

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
10	Đường huyện 26B (Đường Cả Quới)	Phạm vi 150 m từ Đường tỉnh 879C vào Đường huyện 26B		830
		Từ mét 150	Giáp thành phố Mỹ Tho	550
11	Đường Đông Nam kênh Chợ Gạo (trừ Chợ BìnhPhục Nhứt; trừ Khu tái định cư Bình Phan)	Thuộc xã Chợ Gạo(Tên cũ: Thuộc thị trấn Chợ Gạo)	Ranh xã An Thạnh Thủy(Tên cũ: Ranh xã Bình Phan)	1.000
12	Đường huyện 24B (Đường Lộ Xoài)	Phạm vi 150 m từ Quốc lộ 50 (tính từ mốc lộ giới) vào Đường Lộ Xoài		1.920
		Từ mét 150	Cầu đúc trước UBND xã Song Bình cũ (Tên cũ: Cầu đúc trước UBND xã Song Bình)	830
		Đoạn còn lại (Tên cũ: Đoạn còn lại (thuộc xã Song Bình))		490
13	Đường huyện 24C (Đường Lộ 24 cũ)	Quốc lộ 50	Ranh thị trấn - Long Bình Điền cũ (Tên cũ: Ranh thị trấn - Long Bình Điền)	830
14	Đường huyện 22 (Đường Bình Phan)	Đường 30/4	Ranh xã An Thạnh Thủy (Tên cũ: Ranh thị trấn - Bình Phan)	1.100
15	Đường Lộ Vàm	Giao Quốc lộ 50 Bến đò Lộ Vàm		1.100
16	Khu dân cư Long Thạnh Hưng	Đường nội bộ		2.280
17	Chợ Long Bình Điền	Dãy phố chợ		2.730
18	Chợ Song Bình	Các vị trí đất tiếp giáp mặt tiền đường nội bộ chợ Song Bình		2.990



STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
19	Đường phố loại 1			
	Đường Vương Đình Thống (đường Bắc Chợ Gạo)	Toàn tuyến		5.280
	Đường Nguyễn Thành Long (đường Nam Chợ Gạo)	Toàn tuyến		5.280
	Đường Trần Văn Ứng	Dãy phố khu vực Bến xe		3.720
		Từ Bến xe	Đường Nguyễn Hữu Huân (Quốc lộ 50)	3.480
20	Đường phố loại 2			
	Đường Tô Văn Rót (đường khu phố 3)	Bến xe	Kênh Chợ Gạo	3.600
	Đường Nguyễn Minh Giác	Đường 30/4	Đường Nguyễn Hữu Huân (Quốc lộ 50)	2.760
		Đoạn nối dài thuộc xã Chợ Gạo (Tên cũ: Đoạn nối dài thuộc thị trấn Chợ Gạo và xã Bình Phan)		700
	Đường Trương Thành Công (đường khu phố 5)	Đường Trần Văn Ân	Ranh Công viên	2.640
21	Đường phố loại 3			
	Đường Nghĩa Hưng (đường khu phố 4)	Toàn tuyến		2.640
22	Đường phố loại 4			
	Đường các khu hành chính huyện (cũ) (Tên cũ: Đường các khu hành chính huyện)			1.100
	Đường Dương Khuy (Đường Ô2 Khu 2)	Ranh xã Long Bình Điền (Đường huyện 24C)	Cầu kênh Ngang	1.100
		Cầu kênh Ngang	Tuyến tránh Quốc lộ 50	1.680
	Đường Hồ Tấn Minh	Kênh Chợ Gạo	Ngã ba nhà thờ Tin Lành	1.200
22	Đường Dương Văn Khoa (Đường Kênh Ngang)	Giao đường Dương Khuy (Đường huyện 25C)	Kênh Chợ Gạo	1.200

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
	Đường Lê Thị Lệ Chi	Đường 30/4 (Quốc lộ 50)	Ranh xã Bình Ninh (Tên cũ: Ranh Hòa Định)	1.100
		Đường 30/4 (Quốc lộ 50)	Giao đường Nguyễn Đắc Thắng	620
23	Các tuyến đường phố còn lại			
	Lê Thị Ngọc Tiến	Toàn tuyến		550
	Đường Nguyễn Đắc Thắng	Đường đông nam kênh Chợ Gạo	Đường Nguyễn Minh Giác	550
		Đường Nguyễn Minh Giác	Đường 30 tháng 4	550
	Đường Phan Tấn Nhã	Toàn tuyến		550
	Đường Nguyễn Minh Đạo	Toàn tuyến		550
	Đường Võ Văn Lý	Toàn tuyến		550
	Đường Trần Ngọc Ký	Toàn tuyến		550
	Đường Trần Văn Hiến	Đường 3 tháng 2	Đường Nguyễn Hữu Huân	550
		Đoạn còn lại (trừ khu tái định cư)		550
	Đường Nguyễn Văn Thường	Toàn tuyến		550
24	Khu tái định cư thị trấn Chợ Gạo	Mặt tiền đường Trần Văn Hiến		6.768
		Mặt tiền đường đan 4m		5.280
		Hai mặt tiền đường (Đường Trần Văn Hiến và đường đan 4m)		7.724

31. XÃ AN THẠNH THỦY

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 50	Cầu Bình Phan	Cầu Bình Thọ Đông	2.860
		Cầu Bình Thọ Đông	giáp xã Vĩnh Bình	2.210
2	Đường 30/4 (Quốc lộ 50 cũ)	QL 50	Cầu Bình Phan	2.860
3	Đường tỉnh 877 (trên địa bàn huyện Chợ Gạo)	Phạm vi 150 m từ Quốc lộ 50 về 2 hướng (tính từ mốc lộ giới)		1.680
		Từ mét 150	Cầu Tư Trinh	830
		Cầu Tư Trinh	Bến phà Bình Phục Nhứt	1.100
		Từ mét 150	Cầu Bình Thủy	760
4	Đường tỉnh 877B, (trừ chợ Bình Ninh)	Quốc lộ 50	Nghĩa trang An Thạnh Thủy	1.680
		Nghĩa trang An Thạnh Thủy	Nghĩa trang Bình Ninh	1.030
5	Đường Đông Nam kênh Chợ Gạo (trừ Chợ Bình Phục Nhứt; trừ Khu tái định cư Bình Phan)	Giáp xã Chợ Gạo	xã Đồng Sơn	670
6	Đường huyện 22 (Đường Bình Phan)	Trong phạm vi 100 m so với Đường tỉnh 877 (xã Bình Phục Nhứt) tính từ mốc lộ giới.		760
		Đoạn còn lại (Bình Phan)		830
7	Đường huyện 21 (xã An Thạnh Thủy - xã Bình Phan - xã Bình Phục Nhứt)	Trong phạm vi 150 m giáp QL.50 (xã An Thạnh Thủy) tính từ mốc lộ giới.		1.700
		Trong phạm vi 80 m so với Đường huyện 22 (xã Bình Phan) tính từ mốc lộ giới.		760
		Trong phạm vi 100 m so với ĐT.877 (xã Bình Phục Nhứt) tính từ mốc lộ giới.		760
		Trong phạm vi 80 m so với Đường đê sông Tra - giáp ranh huyện Gò Công Tây (xã Bình Phục Nhứt)		760
		Đoạn còn lại		690

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
8	Chợ Bình Phục Nhút (cũ)	Dãy phố chợ		2.990
9	Chợ An Thạnh Thủy	Các vị trí đất tiếp giáp mặt tiền đường nội bộ chợ An Thạnh Thủy		2.860
10	Chợ Bình Phục Nhút (Trạm y tế cũ)	Khu vực chợ 100m về 2 hướng		920
11	Khu tái định cư xã Bình Phan	Đường nội bộ khu tái định cư (Mặt tiền Đường Đông Nam kênh Chợ Gạo)		3.686
12	Khu tái định cư xã Bình Phục Nhút	Mặt tiền đường N1, N2, N3		520
		Mặt tiền đường D2, D3		570
		Hai mặt tiền đường		624

32. XÃ BÌNH NINH

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 877 (trên địa bàn huyện Chợ Gạo)	Đoạn còn lại (thuộc xã Bình Ninh)		620
2	Đường tỉnh 877B, (trừ chợ Bình Ninh)	Nghĩa trang Bình Ninh	Bến Phà Bình Ninh	760
3	Đường tỉnh 864 (Đường dọc Sông Tiền)	Đê Vàm Kỳ Hôn	Đường tỉnh 877	860
		Trong phạm vi 100 m so với Đường huyện 23, Đường huyện 23C; Đường tỉnh 877B, Đường tỉnh 877 (tính từ mốc lộ giới)		1.000
		Đường tỉnh 877	Ranh Gò Công Tây)	1.100
4	Đường huyện 24 (Đường Hòa Định - Xuân Đông - Đê Kỳ Hôn)	Đầu đường huyện 23 (cũ)	Đường vào Đảng ủy xã Bình Ninh (UBND xã Xuân Đông cũ)	620
		Đường vào Đảng ủy xã Bình Ninh (Tên cũ: Đường vào UBND xã Xuân Đông)	Đường vào Bến phà Xuân Đông (cũ) (Tên cũ: Đường vào Bến phà Xuân Đông)	550
5	Đường huyện 23 (Đường Hòa Định)	Quốc lộ 50 (đường 30/4, thị trấn Chợ Gạo cũ)	Đập nước Hòa Định	1.200
		Đoạn từ ranh xã Chợ Gạo	Đập nước (cổng Rạch Chợ Cũ)	940
		Đường huyện 23B (Đường Hòa Định - Bình Ninh)		970
		Đoạn còn lại		940

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
6	Đường huyện 23B (Đường Hòa Định - Bình Ninh)	Phạm vi 150 m tiếp giáp đường Huyện 23		970
		Từ mét 150 trụ sở công an xã Bình Ninh	Cầu Hòa Thành	760
		Cầu Hòa Thành	Giáp Đường tỉnh 877B	550
		Đường tỉnh 877B	Giáp Đường tỉnh 877	660
		Giáp Đường tỉnh 877	Cầu Ngang Thạnh Nhứt	760
7	Đường huyện 23C (nhánh đê Hòa Phú)	Cầu Hòa Định	Đường Tỉnh 864	350
		Đường tỉnh 864	Đường tỉnh 877	350
		Đường tỉnh 877	Ranh xã Vĩnh Hựu (Chợ Hòa Mỹ)	350
8	Chợ Bình Ninh	Cầu Bình Ninh	Nghĩa trang liệt sĩ xã Bình Ninh	1.300
9	Chợ Cầu Đức	Khu vực chợ 150m về 2 hướng		1.000



33. XÃ VĨNH BÌNH

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 50	Ranh xã An Thạnh Thủy	Đầu giao lộ đường Nguyễn Hữu Trí	2.550
		Đầu giao lộ đường Nguyễn Hữu Trí	Hết ranh phía Đông nhà văn hóa ấp Thạnh Hưng - Đồng Sơn	2.700
		Ranh phía Đông nhà văn hóa ấp Thạnh Hưng - Đồng Thạnh	Giáp xã Phú Thành	2.400
2	Đường Nguyễn Văn Côn	Giao lộ Quốc lộ 50	Km 02+150	4.030
3	Đường tỉnh 872	Km 02+150 (Trụ điện trung thế số 46)	Đường vào bãi rác thị trấn	520
		Đường vào bãi rác thị trấn	Đường tổ 20, khu phố 1	980
		Đường tổ 20, khu phố 1	Đường dân Hựu Phong (xã Vĩnh Hựu)	680
4	Đường huyện 12	Ngã ba giao với Quốc lộ 50	Kênh 3 Cự	550
		Kênh 3 Cự	Hết ranh Bãi rác xã Thạnh Nhứt cũ	490
		Hết ranh Bãi rác xã Thạnh Nhứt cũ	Cầu Bình Đông - Vĩnh Bình	550
5	Đường huyện 12B	Giao lộ với Đường huyện 12	Đường Nguyễn Thị Bờ	480
		Đường Nguyễn Thị Bờ	Giao lộ với đường Nguyễn Hữu Trí	720
6	Đường huyện 12C	Ranh xã Vĩnh Hựu cũ (Đường huyện 15)	Ranh xã An Thạnh Thủy	480

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
7	Đường huyện 15	Ranh xã Vĩnh Bình	Ranh xã Phú Thành	620
		Giao lộ đường Trần Quốc Toàn với đường E3	Ranh xã Vĩnh Hựu với xã Vĩnh Bình	620
8	Đường huyện 16	Ngã ba giao với Quốc lộ 50	Đường Thạnh Hòa Đông - xã Vĩnh Bình	520
		Đường Thạnh Hòa Đông - xã Vĩnh Bình	xã Long Bình	480
9	Đường huyện 16B (Đường lộ Đình "liên xã Thạnh Trị- Thành Công" cũ)	đoạn từ Q150 đến ranh xã Phú Thành		450
10	Đường Bắc đê Xuân Hòa- Cầu (ĐH Ngang 12D cũ)	Rạch Vàm Giồng (Xã Thạnh Nhựt)	Giáp ranh huyện Chợ Gạo (xã Thạnh Nhựt)	480
11	Phan Bội Châu	Toàn tuyến		5.200
12	Phan Chu Trinh	Toàn tuyến		5.200
13	Trần Quốc Toàn	Nguyễn Văn Côn	Cô Giang	4.810
		Cô Giang	Cổng Ba Ri	2.600
		Cổng Ba Ri	Đầu đường E3 với ĐH. 15	1.690
		Nguyễn Văn Côn	Nguyễn Trung Trực	2.600
14	Đặng Khánh Tình	Đầu cầu Nguyễn Văn Côn	Lý Thành Bô	4.030
		Lý Thành Bô	Hết đường	2.210
		Đầu cầu Nguyễn Văn Côn	Cầu Sáu Biếu	1.950
		Cầu Sáu Biếu	Ranh xã Thạnh Trị cũ	850
15	Võ Tánh (khu phố 4)	Đầu cầu Nguyễn Văn Côn	Cầu Sáu Biếu	1.690
		Cầu Sáu Biếu	Ranh xã Thạnh Trị cũ	850



STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
16	Nguyễn Trung Trực	Toàn tuyến		2.600
17	Cô Giang	Toàn tuyến		2.600
18	Phan Thanh Giản	Toàn tuyến		2.600
19	Nguyễn Thái Học	Toàn tuyến		2.600
20	Trương Định	Toàn tuyến		2.600
21	Phan Đình Phùng	Toàn tuyến		2.600
22	Phạm Đăng Hưng	Nguyễn Văn Côn	Nguyễn Hữu Trí	2.600
23	Nguyễn Hữu Trí	Toàn tuyến		1.560
24	Nguyễn Thìn	Đường Nguyễn Thị Bờ	Đường Nguyễn Hữu Trí	1.050
		Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường tránh phía đông xã Vĩnh Bình	1.200
		Đường tránh xã Vĩnh Bình (giai đoạn 1)	Giáp ranh xã Thạnh Trị cũ	1.050
25	Lý Thành Bô	Toàn tuyến		2.600
26	Đặng Giao (Đường Trại giam)	Toàn tuyến		1.300
27	Sư Thiện Chiếu (Đường Đình)	Toàn tuyến		1.200
28	Đặng Vương Tá (Dọc sông Vàm Giồng)	Toàn tuyến		1.050
29	Nguyễn Thị Bờ (Đường Công Điền)	Toàn tuyến		1.050
30	Nguyễn Thị Bảy (Đường QLTT)	Toàn tuyến		1.300
31	Đường Số 2	Đường Nguyễn Văn Côn	Đường tránh xã Vĩnh Bình (giai đoạn 1)	1.000
32	Đường tránh xã Vĩnh Bình (giai đoạn 1)	Giáp Quốc lộ 50	Giáp kênh Vàm Giồng (cầu Sáu Biếu)	1.500

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
33	Đường kênh K23 (Toàn tuyến)	Giáp Quốc lộ 50	Ranh xã Thanh Nhựt cũ	810
34	Đường Tổ 7 - 8 (Khu phố 4)	Giáp đường Nguyễn Thị Bảy	Đường tránh xã Vĩnh Bình (giai đoạn 1)	1.000
35	Đất ở tại vị trí tiếp giáp đường E3 (đoạn từ Đường huyện 15 đến Trường THCS Nguyễn Văn Thiệu)			590



34. XÃ ĐỒNG SƠN

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 50	Giáp ranh xã Vĩnh Bình	Đầu giao lộ đường Nguyễn Hữu Trí	2.550
		Đầu giao lộ đường Nguyễn Hữu Trí	Hết ranh phía Đông nhà văn hóa ấp Thạnh Hưng - Đồng Sơn	2.700
		Hết ranh phía Đông nhà văn hóa ấp Thạnh Hưng - Đồng Sơn	Giáp ranh xã Vĩnh Bình	2.400
2	Đường tỉnh 879D	Đường huyện 26C (ấp Ninh Đồng)	Giáp ranh tỉnh Tây Ninh (Km10+648)	980
3	Đường huyện 13	Đường huyện 18	Đường Ao Chùa	640
		Đầu đường Ao Chùa	Giáp Tây kênh N8	540
4	Đường huyện 18	Ngã ba giao với Quốc lộ 50	Đường huyện 20	900
		Đường huyện 20	Trụ điện trung thế số 87	550
		Trụ điện trung thế số 87	Trụ điện trung thế số 121	1.180
		Trụ điện trung thế số 121	Bến đò Đồng sơn	1.200
5	Đường huyện 20 (đường xã Bình Nhi cũ)	Toàn tuyến		540
6	Đường đê sông Tra (ĐH.13C cũ)	Bến đò Ninh Đồng (xã Đồng Sơn)	Rạch lá	480
		Đoạn từ Rạch lá	Giáp ranh xã Phú Thành	520
7	Đường đê Khương Thọ (ĐH.13D cũ)	Đường đê sông Tra (ĐH.13C cũ)	Đường đê sông Tra (ĐH.13C cũ)	480

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
8	Đường đê Ninh Đồng A (ĐH.13E cũ)	Đường đê sông Tra (ĐH.13C cũ)	Đường đê sông Tra (ĐH.13C cũ)	480
9	Đường đê Rạch Trâm - Ninh Đồng (ĐH.13F cũ)	Cầu ông Trường, ranh xã Tân Thuận Bình - xã Đồng Sơn	Đê Tây kênh Chợ gạo (xã Đồng Sơn)	480
10	Chợ Đồng Sơn	Tiếp giáp giao lộ đường nội ô với Đường huyện 18 đến Toàn tuyến		2.400
		Nội ô trong khu vực chợ		1.500



35. XÃ PHÚ THÀNH

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 50	Ranh xã Vĩnh Bình và Phú Thành	Hết ranh phía Đông nhà văn hóa ấp Bình Cách - Phú Thành	2.400
		Ranh phía Đông nhà văn hóa ấp Bình Cách - Phú Thành	giáp ranh Phường Gò Công	3.000
2	Đường tỉnh 872B	Ngã ba giao với Quốc lộ 50	Kênh cặp xóm ấp Long Bình - Phú Thành	980
		Kênh cặp xóm ấp Long Bình - Phú Thành	Kênh cặp Khản - Bình Tân	520
3	Đường tỉnh 873	Ngã ba giao với Quốc lộ 50	Km 02+150	910
		Đoạn còn lại		680
4	Đường huyện 13	Phía Đông Kênh N7	Giáp đường 873	540
5	Đường huyện 13B (Đường trung tâm xã)	Giao lộ với Đường huyện 13	Toàn tuyến	480
6	Đường huyện 15	Giáp ranh Phường Gò Công	Đường vào trường Mầm Non Yên Luông	700
		Đường vào trường Mầm Non Yên Luông	Giáp ranh xã Vĩnh Bình	620
7	Đường huyện 16B (Đường lộ Đình "liên xã Thạnh Trị-Thành Công" cũ)	Nút giao Đường huyện 13	Giáp ranh xã Vĩnh Bình	450
8	Đường đê sông Tra (ĐH.13C cũ)	Cổng số 4	Cổng rạch sâu, ranh Phường Bình Xuân và xã Phú Thành	480

36. XÃ LONG BÌNH

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 872B	Kênh cặp xóm ấp Long Bình - Yên Luông	Đường cặp kênh Khẩn - Bình Tân	520
		Đường cặp kênh Khẩn - Bình Tân	Đường kênh Làng - Bình Tân	750
		Đường kênh Làng - Bình Tân	Cầu phà Tân Long sông Cửa Tiểu	680
2	Đường tỉnh 877	Giáp ranh Phường Gò Công	Đê Tây	820
		Đê Tây	Trụ điện trung thế số 88	620
		Trụ điện trung thế số 88	Phòng khám khu vực Long Bình	820
		Phòng khám khu vực Long Bình	Đường huyện 16	1.200
		Đường huyện 16	Cổng Năm Đực	820
		Cổng Năm Đực	Giáp ranh xã Vĩnh Hựu	620
		Đoạn còn lại (Đường tỉnh 877E cũ)		570
3	Đường huyện 11	Đường tỉnh 877	Đường Xóm Thù 3	520
		Đường Xóm Thù 3	Đường Giồng Nhỏ ấp Ninh Quới	480
		Đường Giồng Nhỏ ấp Ninh Quới	Hết ranh trường THCS-THPT Long Bình	520
		Đoạn còn lại		480
4	Đường huyện 11B (Đường đê Đông ấp Hòa Thạnh)	Đường tỉnh 877 (xã Bình Tân cũ)	Đường huyện 11 (xã Bình Tân cũ)	480
5	Đường huyện 16	Đường Thạnh Hòa Đông - Thạnh Trị	Cầu Xóm Lá	480
		Đoạn còn lại		1.100

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
6	Đường huyện 19 (đường Lợi An cũ)	Ngã ba giao với Đường tỉnh 877	Đường huyện 19B	540
		Đoạn còn lại		480
7	Đường huyện 19B (Đường đê tả sông Cửa Tiểu)	Giao lộ Đường huyện 19 (xã Bình Tân cũ)	Cổng rạch Giã (xã Bình Tân cũ)	520
8	Đường đê Tây ấp Thuận Trị (ĐH.11C cũ)	Đường tỉnh 877 (xã Bình Tân cũ)	Đường huyện 11 (xã Bình Tân cũ)	480
9	Đường đê Long Hải -Thanh Lợi (ĐH.17B cũ)	ĐH.16 (xã Long Bình cũ)	ĐT.877 (xã Bình Tân cũ)	480
10	Chợ Long Bình	Nội ô trong khu vực chợ		1.500

37. XÃ VĨNH HỤU

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 872	Đường tổ 20, khu phố 1	Đường đản Hựu Phong (xã Vĩnh Hựu)	680
		Đường đản Hựu Phong (xã Vĩnh Hựu)	Ranh (phía Nam) trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Bảy - Vĩnh Hựu	820
		Ranh (phía Nam) trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Bảy - Vĩnh Hựu	Ngã ba giao với Đường tỉnh 877	680
2	Đường tỉnh 877	Cổng Năm Đực	Trường TH Nguyễn Thị Tốt	620
		Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tốt	Cổng chùa Cả Chốt	680
		Cổng chùa Cả Chốt	Giáp ranh xã Bình Ninh huyện Chợ Gạo	570
3	Đường huyện 11	Đoạn còn lại		480
4	Đường huyện 15	Ranh xã Vĩnh Hựu với TT Vĩnh Bình	Giao lộ Đường huyện 15C	540
5	Đường huyện 15C (Đường Ao Dương)	Đường tỉnh 872	Đường tỉnh 877	540
6	Đường huyện 16	Đường Thạnh Hòa Đông - Thạnh Trị	Cầu Xóm Lá	480
7	Đường huyện 16C (Đường liên xã Vĩnh Hựu-Long Vĩnh)	Toàn tuyến		490
8	Đường vào phà Vàm Giồng (ĐH.15B cũ)	Đường tỉnh 877	Bến phà Vàm Giồng	540



38. XÃ GÒ CÔNG ĐÔNG

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 862	Bia chiến tích Xóm Gò	Ngã ba Đường Bà Lầy 1	830
		Ngã ba Đường Bà Lầy 1	Cầu Tân Thành	810
		Cầu Tân Thành	Ngã ba Đường huyện 07	970
		Hai dãy phố cặp chợ Tân Thành		900
		Ngã ba Đường huyện 07	Đồn Biên phòng Tân Thành	830
		Đồn Biên phòng Tân Thành	Ngã 05 biển Tân Thành	1.560
		Ngã 05 biển Tân Thành	Giáp ranh trụ sở ấp văn hóa Cầu Muống	970
		Giáp ranh trụ sở ấp văn hóa Cầu Muống	Đường vào Ban quản lý Cồn Bãi	830
		Đường vào Ban quản lý Cồn Bãi	Trường Tiểu học Tân Thành (điểm Đền Đỏ)	490
		Trường tiểu học Tân Thành (điểm Đền Đỏ)	Cổng Rạch Gốc	580
2	Đường huyện 04	Từ ngã ba Thủ Khoa Huân - đường 30/4	Đường Giồng Lành - Trại Cá - Giồng Tân	610
3	Đường huyện 05B	Giáp ranh xã Tân Hòa (Tên cũ: Giáp Đường huyện 05 (xã Bình Nghị))	Giáp Đường tỉnh 862 (xã Tăng Hòa)	480
4	Đường huyện lộ 07	Giao Đường tỉnh 862	Đường huyện 08 (cổng Vàm Kinh)	480
		Giao Đường tỉnh 862	Giáp ranh xã Tân Điền (Tên cũ: Ngã ba giao 871C (UBND xã Tân Điền))	550
5	Đường huyện 08 (Đường đê cửa sông Gò Công 1)	Cổng Rạch Gốc (đền đỏ) xã Tân Thành	Giáp Đường huyện 04 (xã Tân Hòa)	480

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
6	Đê biển, đê sông	Các vị trí đê biển còn lại		480
7	Đường nội bộ và đường dẫn khu tái định cư 47 hộ dân			660



39. XÃ TÂN ĐIỀN

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 871C	Cầu Xóm Sọc	Kênh Trần Văn Bình	700
		Kênh Trần Văn Bình	Kênh Gò Me 1	760
		Kênh Gò Me 1	Cầu Tam Bàng	620
		Cầu Tam Bàng	Đê biển xã Tân Điền	550
2	Đường huyện 02	Giáp ranh xã Tân Hòa và Tân Điền	Đường bờ đất mới (Nhà Tắm Nhanh)	550
		Đường bờ đất mới (Nhà Tắm Nhanh)	Kênh Trần Văn Đồng	700
		Kênh Trần Văn Đồng	Giáp ranh xã Gia Thuận cũ	550
3	Đường huyện 05	Đường huyện 05 xã Tân Điền (mới)		610
4	Đường huyện 05B	Đường huyện 05B xã Tân Điền (mới)		480
5	Đường huyện 07	Giáp ranh xã Gò Công Đông và xã Tân Điền	Ngã ba giao 871C (UBND xã Tân Điền)	550
		Cầu Tam Bàng	giáp ranh xã Gia Thuận cũ	480
6	Đê biển, đê sông	Các vị trí đê biển, đê sông còn lại (Thuộc xã Tân Điền mới)		480

40. XÃ TÂN HÒA

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 862	Ngã ba giao đường huyện 19 (Đường Việt Hùng, ranh Phường Gò Công	Kênh Nguyễn Văn Thanh	1.200
		Kênh Nguyễn Văn Thanh	Cổng Chảo thị trấn Tân Hòa cũ	1.200
		Cổng Chảo thị trấn Tân Hòa cũ	Ngã Ba Giao đường Nguyễn Trãi (Công viên Tân Hòa)	2.210
		Ngã Ba Giao đường Nguyễn Trãi (Công viên Tân Hòa)	Ngã Tư đường 16/2 - Trương Định	3.250
		Ngã Tư đường 16/2 - Trương Định	Ngã Ba giao đường Nguyễn Văn Côn	2.210
		Ngã Ba giao đường Nguyễn Văn Côn	đường vào ấp Trại Ngang	1.820
		đường vào ấp Trại Ngang	Bia chiến tích Xóm Gò	1.200
2	Đường huyện 02	Ngã 3 Võ Duy Linh- 16/2	Đường liên ấp Lò Gạch- Ruộng Cạn	520
		Đường liên ấp Lò Gạch- Ruộng Cạn	Ranh xã Tân Hòa - Tân Điền	550
3	Đường huyện 03	Giao đường Nguyễn Trãi	Hết ranh trạm y tế xã Phước Trung (cũ)	550
		Hết ranh trạm y tế xã Phước Trung (cũ)	Cầu Thanh Nhung	480
		Cầu Thanh Nhung	Đường huyện 09	480
4	Đường huyện 04	Cổng Cầu Kiều (ranh xã Gò Công Đông)	Đường vào ấp Tân Xuân (Trường Tiểu học Phước Trung)	610
		Đường vào ấp Tân Xuân (Trường Tiểu học Phước Trung)	Bến dò	490



STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
5	Đường huyện 05	Giáp Đường tỉnh 862	Cầu Bình Nghi	970
		Cầu Bình Nghi	Ranh xã Tân Điền - Tân Hòa	610
6	Đường huyện 05B	Đường huyện 05	Ranh xã Gò Công Đông - Tân Điền	480
7	Đường huyện 08 (Đường đê cửa sông Gò Công 1)	Ranh xã Gò Công Đông - Tân Hòa	Giáp Đường huyện 04	480
8	Đường huyện 08B (Đường đê cửa sông Gò Công 1- đê tả sông Cửa Tiểu)	Giáp Đường huyện 04	Cổng Long Uông	480
9	Đường huyện 09 (Đường đê tả sông Cửa Tiểu)	Cổng Long Uông	Cổng Rạch Già (giáp ranh xã Long Bình)	480
10	Đường huyện 19 (đường Việt Hùng, ranh phường Gò Công)	Đường tỉnh 862	Cổng Sáu Tiệp	610
		Cổng Sáu Tiệp	Cầu Kênh (ranh xã Long Bình)	520
11	Đường 30/4	Giao Đường tỉnh 862	Hết ranh Huyện ủy cũ	3.770
		Ranh Huyện ủy cũ	Ngã tư giao đường Nguyễn Văn Côn - đường 30/4	2.210
		Ngã tư giao đường Nguyễn Văn Côn - đường 30/4	Kênh Hai Cù Đền	1.050
12	Đường Trương Định	Giao Đường tỉnh 862	Giao đường Nguyễn Văn Côn	2.210
13	Đường Nguyễn Trãi	Giáp Đường tỉnh 862	Đường vào ấp Dương Quới	1.820
		Đường vào ấp Dương Quới	Đường Thủ Khoa Huân	1.200
14	Đường nội bộ công viên Tân Hòa	Giao Đường tỉnh 862	Giao đường Nguyễn Trãi	1.820

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
15	Đường Võ Duy Linh	Giao Đường tỉnh 862	Cầu Cháy	2.080
		Cầu Cháy	Giao đường 16/2	980
16	Đường Khu dân cư Khối vận (Đường N12)	Giao đường 30/4	Giao đường Trương Định	1.690
17	Đường 16/2	Giao Đường tỉnh 862	Cầu 16/2	1.820
		Cầu 16/2	Giao đường Võ Duy Linh	1.200
18	Đường Khu lương thực cũ (Đường N24)	Toàn tuyến (kể cả đoạn đường vào Trường Mẫu giáo Tân Hòa)		1.200
19	Đường Nguyễn Văn Côn	Giao đường Nguyễn Trãi	Cầu Nguyễn Văn Côn	1.200
		Cầu Nguyễn Văn Côn	Ranh Trường Nguyễn Văn Côn	2.210
		Ranh Trường Nguyễn Văn Côn (điểm cuối)	Đường tỉnh 862	1.200
20	Đường Thủ Khoa Huân	Cổng Long Ưông	Ranh xã Tân Hòa - Gò Công Đông	1.200
21	Đường vào Sân vận động	Toàn tuyến		680
22	Đất ở 2 bên dãy phố chợ Tân Hòa			2.210



41. XÃ TÂN ĐÔNG

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 871	UBND xã Tân Đông cũ (giáp ranh thị xã)	Ranh Thánh thất Tân Đông (từ thị xã xuống)	1.100
		Thánh thất Tân Đông	Ranh Nghĩa trang Tân Tây (từ thị xã xuống)	1.560
		Ranh Nghĩa trang Tân Tây	Ngã ba đường mã Bà Giàu	2.520
		Ngã ba đường mã Bà Giàu	Đến cầu Xóm Gồng	1.030
2	Đường tỉnh 871B	Giáp ranh phường Sơn Qui (Cầu Vàm Thấp)	Cầu Xá Sách (ranh xã Gia Thuận)	830
3	Đoạn trước UBND xã Tân Tây cũ	Đường vào 02 dãy phố cặp chợ Tân Tây		3.360
		Giao với Đường tỉnh 871	Giao Đường tỉnh 873B	4.480
4	Đường tỉnh 873B	Ngã ba giao đoạn đường trước UBND xã Tân Tây cũ	Cổng văn hóa - đường vào ấp Tân Tây 7 xã Tân Đông	2.210
		Cổng văn hóa - đường vào ấp Tân Tây 7 xã Tân Đông	Cổng văn hóa - đường vào ấp Tân Tây 5 xã Tân Đông	1.690
		Cổng văn hóa - đường vào ấp Tân Tây 5 xã Tân Đông	Cầu Ông Non (giáp xanh phường Sơn Qui)	900
		Ngã ba giao đoạn đường trước UBND xã Tân Tây cũ	Hết ranh trường tiểu học Tân Tây (điểm phụ)	2.210
		Hết ranh trường tiểu học Tân Tây (điểm phụ)	Ngã Tư Tân Phước	1.690
		Ngã Tư Tân Phước	Huyện lộ 10 (Tên cũ: Giáp đê sông Vàm Cỏ)	310

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
5	Tuyến đường tránh Tân Tây	Đường tỉnh 871	Đường tỉnh 873B	2.040
6	Đường huyện 01	Cầu Gò Xoài (giáp ranh phường Sơn Qui)	Ngã tư Tân Phước	550
		Ngã tư Tân Phước	Cầu Tân Phước	1.560
		Cầu Tân Phước	Ngã tư Rạch Già	480
		Đường vào cặp chợ Tân Phước		830
		Đường nội bộ khu dân cư mới thành lập		830
7	Đường huyện 02	Cầu Xóm Gồng 12 (Giáp ranh xã Gia Thuận)	Ngã tư Rạch Già	700
		Ngã tư Rạch Già	Đường huyện 10	480
8	Đường huyện 06	Giáp Đường tỉnh 873B (xã Tân Phước cũ)	Đường vào ấp Tân Phước 1, xã Tân Đông	610
9	Đường vào ấp Tân Tây 7 xã Tân Đông	Giao với đường trước UBND xã Tân Tây cũ	Cầu Giồng Tháp	1.920
10	Đường huyện 10 (Đường đê cửa sông Gò Công 1)	Giáp ranh xã Gia Thuận (Giáp Đường tỉnh 871B (nối dài))	Giáp ranh phường Sơn Qui (Cổng Vàm Tháp xã Tân Phước)	480

42. XÃ GIA THUẬN

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 871	Cầu Xóm Gông	Ngã tư giao Đường huyện 02	1.030
		Ngã tư giao Đường huyện 02	Chùa Hưng Kiểng Tự	1.180
		Chùa Hưng Kiểng Tự	Kênh 7 Láo	1.030
		Kênh 7 Láo	Đường vào Khu TĐC 3,3 ha	1.560
		Đường vào Khu TĐC 3,3 ha	Trụ sở UBND xã Gia Thuận	2.860
		Trụ sở UBND xã Gia Thuận	Buru điện Vàm Láng	4.290
		Buru điện Vàm Láng	Cảng cá Vàm Láng	5.330
2	Đường tỉnh 871B	Cầu Xã Sách	KCN gia Thuận	830
3	Khu vực chợ Kiểng Phước	Giao Đường tỉnh 871	Đường vào chợ và 02 dãy phố cặp chợ	1.180
4	Đường huyện 02	Giáp xã Tân Điền	Cách ngã tư Kiểng Phước 200m	550
		Ngã tư Kiểng Phước	Về 02 hướng cách 200m	700
		Cách ngã tư Kiểng Phước 200m	Cầu Xóm Gông 7	550
		Cầu Xóm Gông 7	Cầu Hội Đồng Huyện	480
		Cầu Hội Đồng Huyện	Giáp xã Tân Đông	700
5	Đường huyện 06	Giáp xã Tân Đông	giáp Đường huyện 02 (xã Gia Thuận)	610
6	Đường huyện 07	Giáp xã Tân Điền	Đê biển	480
7	Đường giao thông phát triển công nghiệp phía đông (đoạn đã hình thành)	Giáp Đường tỉnh 871B (nối dài)	Sông Soài Rạp	940
8	Đường huyện 10 (Đường đê cửa sông	Từ Cổng số 1 (giáp ranh thị trấn Vàm	Ngã ba Giáp Đường giao thông	540

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
	Gò Công 1)	Láng thuộc xã Kiểng Phước)	phát triển công nghiệp phía đông (đoạn đã hình thành)	
9	Đê biển, đê sông	Các vị trí đê biển, đê sông còn lại		480
10	Đường vào khu tránh bão (Xã Kiểng Phước)	Toàn tuyến		700
11	Đường nối Đường tỉnh 871 với đường Bắc sông Cần Lộc	Toàn tuyến		1.200
12	Đường Đê đoạn từ Ngã ba giao Đường tỉnh 871 đến Cổng số 1			
	Đoạn 1	Đường tỉnh 871	Đường vào SVD Vàm Láng	2.040
	Đoạn 2	Đường vào SVD Vàm Láng	Đường vào Hải đội 2	1.560
	Đoạn 3	Đường vào Hải đội 2	Cổng số 1	1.030
13	Đường Đê biển (đoạn từ cổng số 1 đến cổng Rạch Xẻo)			1.560
14	Đường Đê cũ (đoạn từ cổng sông Cần Lộc đến đường vào xí nghiệp tàu thuyền)			700
15	Đường Kênh Rác (từ hẻm 3 đến hẻm 6)			900
16	Đường vào Hải đội 2 (đoạn từ đê đến Hải đội 2)			760
17	Đường nội bộ Khu TĐC thị trấn Vàm Láng (3,3 ha)	Lô một mặt tiền		2.800
		Lô 2 mặt tiền		3.400

43. XÃ TÂN THỜI

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 877B thuộc phạm vi xã Tân Phú	Đường vào Miếu ấp Tân Ninh	Đường 6 Đồng	580
		Đường 6 Đồng	Cầu cây Me	550
		Cầu cây Me	Thánh Thất cao dài	420
		Thánh Thất cao dài	Đường Thầy Thương	550
		Đường Thầy Thương	Cầu Kinh Nhiêm	420
		Đường vào Miếu ấp Tân Ninh	Cầu Rạch Cầu	520
2	Đường tỉnh 877B thuộc phạm vi xã Tân Thời	Đường Bến Lở	Đường huyện 84B	970
		Đường huyện 84B	Đường Tân Hiệp- Tân Hưng	700
		Đường Bến Lở	Ngã ba giao Đường vào Chùa Kim Thuyền	700
		Ngã ba giao Đường vào Chùa Kim Thuyền	Cầu Rạch Cầu	550
		Bến phà Bình Ninh	đường tổ 11 ấp Tân Phú	550
		đường tổ 11 ấp Tân Phú	Đường Tân Hiệp - Tân Hưng	550
3	Đất ở mặt tiền ĐH.84B (ĐH.15B cũ)			440
4	Đất ở mặt tiền ĐH.84C (đường ra bến đò Rạch Vách)			440
5	Đất ở mặt tiền ĐH.84D			440
6	Đất ở mặt tiền ĐH.83C			440
7	Đất mặt tiền Đường huyện 83	Rạch Lò Ô	Rạch Kinh Nhiêm	420
8	Đường Bến Đá	Toàn tuyến		440
9	Đường Bến Lở	Toàn tuyến		440
10	Đất ở tiếp giáp chợ nông thôn	Toàn tuyến		440

44. XÃ TÂN PHÚ ĐÔNG

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 877B	Cầu Kinh Nhiễm	Kênh Ba Gốc	970
		Kênh Ba Gốc	Đường huyện 83B (tìm đường)	1.200
		Đường huyện 83B(tìm đường)	Cầu Tư Xuân	970
		Cầu Tư Xuân	Cầu Cả Thu	600
		Cầu Cả Thu	Cầu Bà Lắm	580
		Cầu Bà Lắm	Cạnh phía Tây trường THCS Phú Đông	760
		Cạnh phía Tây trường THCS Phú Đông	Cạnh phía Đông Trạm Y tế xã Tân Phú Đông (xã Phú Đông cũ)	900
		Cạnh phía Đông Trạm Y tế xã Tân Phú Đông (xã Phú Đông cũ)	Đường Võ Thị Nghê	760
		Đường Võ Thị Nghê	Cầu Bà Từ	550
		Cầu Bà Từ	Đường Kinh tế mới	620
		Đường kinh tế mới	Đường huyện 85D	520
		Đoạn còn lại từ ĐH 85D đến biển		420
2	Đất ở Đường tỉnh 872B			1.030
3	Đường vào Trung tâm Y tế khu vực Tân Phú Đông			970
4	Đất ở mặt tiền Đường D9 (Đường vào Trung tâm hành chính xã)			1.440
5	Đất ở mặt tiền ĐH.85 (ĐH.07 cũ)			440
	Đất ở mặt tiền ĐH.85B (đường vào bến phà Bình Tân - Cửa Đại)			440
	Đất ở tiếp giáp chợ nông thôn			440
	Đường D12 (đường phía Tây khu hành chính xã đoạn đã có đường), đường D4 (đường phía Đông khu hành chính xã đoạn đã có đường), và đường N2 (đường phía Bắc khu hành chính có đường)			440

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
6	Đất ở mặt tiền Đường huyện 83B	Đoạn thuộc xã Phú Thạnh (cũ)		420
		Đoạn thuộc xã Phú Đông (cũ)		360
7	Đất ở mặt tiền ĐH.85D (đường Pháo Đài)			420
8	Đất mặt tiền Đường huyện 83	ĐT 872B	ĐH. 85	440
		ĐH. 85	Lũy Pháo Đài	360
		Rạch Kinh Nhiễm	ĐT 872B	420
9	Đất ở mặt tiền đường ĐH.85C (Đoạn đã có đường) (Tên cũ: Đất ở mặt tiền đường ĐH.85C)			360
11	Đất ở mặt tiền đường Nông trường (ĐH.85E cũ)			440
12	Đất ở mặt tiền đường Đê 3 (ĐH.83D cũ)			360

45. XÃ TÂN HỒNG

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Chợ Tân Hồng	Đoạn hai bên nhà lồng chợ (đường Hùng Vương - đường Huỳnh Công Chí)		11.800
		Các đường còn lại của Khu vực chợ (trừ đoạn phía Đông giáp Đường Hùng Vương - Đường Huỳnh Công Chí)		6.800
2	Vòng xuyên	Quốc lộ 30 từ ngã 3 cây xăng	Cầu Đúc mới	4.200
		Đường Huỳnh Công Chí : Vòng xuyên	Đường Nguyễn Huệ	4.600
3	Đường nội bộ bến xe và khu dân cư thị trấn Sa Rài cũ	Toàn tuyến		4.600
4	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Huỳnh Công Chí	12.600
		Huỳnh Công Chí	Đường Nguyễn Văn Bánh	6.800
		Đường Nguyễn Văn Bánh	Đường 30 tháng 4	5.800
		Đường 30 tháng 4	Đường 3 tháng 2	6.800
		Đường 3 tháng 2	Đường Trần Phú	5.200
		Đường Trần Phú	Cầu Thành Lập	5.000
5	Đường Hùng Vương	Ranh xã Tân Công Chí	Ngã ba cây xăng	2.400
		Ngã ba cây xăng	Cầu Đúc mới	4.400
		Cầu Đúc mới	Đường Nguyễn Huệ	6.600
		Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	9.400
		Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi	7.000
		Đường Lê Lợi	Cầu 72 nhịp	4.800

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
6	Đường Huỳnh Công Chí	Đường Nguyễn Huệ	Lý Thường Kiệt	6.800
		Đường Huỳnh Công Chí - Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi	4.200
7	Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	Nguyễn Văn Cơ	3.800
		Đoạn còn lại		2.400
8	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Lợi	5.800
		Đường Lê Lợi	Đê bao phía đông (hai bên)	2.000
9	Đường 3 tháng 2	Toàn tuyến		2.400
10	Đường 1 tháng 6	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trãi	2.400
		Các đoạn còn lại		2.000
11	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Toàn tuyến		2.400
12	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Công Chí	4.600
		Đường Huỳnh Công Chí	Đường Nguyễn Đình Chiểu	2.400
		Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Trần Hưng Đạo	2.400
13	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 tháng 2	Đường Giồng Thị Đam	2.400
14	Đường Phạm Hữu Lầu	Toàn tuyến		2.000
15	Đường Tháp Mười	Toàn tuyến		2.000
16	Đường Nguyễn Văn Cơ	Toàn tuyến		2.400

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
17	Đường Nguyễn Văn Bảnh	Toàn tuyến		2.400
18	Đường Lê Duẩn	Đường Huỳnh Công Chí	Nguyễn Văn Cơ	2.400
19	Đường Nguyễn Trãi	Đường 1 tháng 6	Đường Giồng Thị Đam	2.400
		Đoạn còn lại		2.000
20	Đường Giồng Thị Đam	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	3.200
		Đoạn còn lại		2.000
21	Đường Nguyễn Văn Tiệp	Đường Lê Lợi	Đê bao bờ Tây	2.400
		Đoạn còn lại		2.000
22	Đường Gò Tự Do	Toàn tuyến		2.000
23	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Toàn tuyến		2.000
24	Đường Thiên Hộ Dương	Toàn tuyến		2.400
25	Đường Phạm Ngũ Lão	Toàn tuyến		2.000
26	Đường 1 tháng 5	Toàn tuyến		2.000
27	Đường 30 tháng 4	Toàn tuyến		2.400
28	Đường 502	Đường Nguyễn Huệ	Đê bao bờ Tây	2.000
29	Đường Trần Văn Thế	Toàn tuyến		2.400
30	Đường Nguyễn Tri Phương	Toàn tuyến		2.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
31	Đường Nguyễn Du	Toàn tuyến		2.000
32	Đường Phan Bội Châu	Toàn tuyến		2.000
33	Đường Ngô Quyền	Toàn tuyến		2.000
34	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		2.000
35	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		2.400
36	Đường còn lại không tên (thị trấn Sa Rài cũ)	Toàn tuyến		1.400
37	Chợ Thống Nhất	Đường loại 1		1.700
		Đường loại 2		600
38	Chợ Bình Phú	Đường loại 1		1.200
		Đường loại 2		600
39	Cụm dân cư Trung tâm Bình Phú	Đường loại 1		1.200
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
		Đường loại 4		400
40	Cụm dân cư Gò Cát, Gò Cát mở rộng 1, 2	Đường loại 1		500
		Đường loại 2		400
41	Cụm dân cư Thống Nhất	Đường loại 1		700
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
		Đường loại 4		400

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
42	Cụm dân cư Bắc Trang	Đường loại 1		600
		Đường loại 2		400
43	Cụm dân cư Dự Án	Đường loại 1		600
		Đường loại 2		400
44	Cụm dân cư Cả Chanh	Đường loại 1		700
		Đường loại 2		500
45	Cụm dân cư đầu kênh Sa Rài	Đường loại 1		700
		Đường loại 2		500
46	Cụm dân cư Cả Xiêm	Đường loại 1		700
		Đường loại 2		500
47	Quốc lộ 30	Cầu Thống Nhất	Ranh chợ Thống Nhất	2.400
		Ranh chợ Thống Nhất	Trạm Y tế	2.400
		Trạm Y tế	Nhà ông Nguyễn Văn Cửa	1.600
		Nhà ông Nguyễn Văn Cửa	Cầu Bắc Trang	1.200
		Cầu Bắc Trang	Cây xăng Ngọc Nhi	1.600
		Cây xăng Ngọc Nhi	Cầu Đúc Mới	2.400
		Cầu Đúc Mới	Ngã 3 Đồn Biên phòng 909	1.600
48	Đường tỉnh ĐT 843	Cầu Giồng Găng	Cầu Dứt Gò Suông	1.000
		Cầu Dứt Gò Suông	Cầu Thành Lập	1.200
49	Đường Gò Rượu	Toàn tuyến		400

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
50	Đường bờ Tây kênh Tân Công Chí	Toàn tuyến		400
51	Đường bờ Nam kênh Thành Lập 3	Toàn tuyến		400
52	Đường bờ Đông kênh Thống Nhất	Toàn tuyến		400
53	Đường Kho Gáo Lồng Đền	Toàn tuyến		400
54	Đường Thống Nhất	Kênh Tân Thành Lò Gạch	Cụm dân cư Gò Cát	400
55	Đường Cả Găng (bờ đông, bờ tây)	Toàn tuyến		400
56	Đường Tuyến dân cư bờ Bắc kênh Tân Thành Lò Gạch	Toàn tuyến		500
57	Đường bờ kênh Thành Lập	Toàn tuyến		400

46. XÃ TÂN THÀNH

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Chợ Long Sơn Ngọc	Đường loại 1		3.000
		Đường loại 2		1.000
		Đường loại 3		500
2	Chợ Công Bình	Đường loại 1		1.200
		Đường loại 2		600
3	Chợ Biên Giới Thông Bình	Đường loại 1		1.500
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
4	Cụm dân cư Long Sơn Ngọc	Đường loại 1		1.700
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
5	Cụm dân cư mở rộng Long Sơn Ngọc lần 2	Đường loại 1		1.500
		Đường loại 2		900
6	Cụm dân cư bờ Đông Long Sơn Ngọc	Đường loại 1		800
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
7	Cụm dân cư Chợ Tân Thành A	Đường loại 1		800
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
8	Cụm dân cư Cà Sơ	Đường loại 1		800
		Đường loại 2		600
9	Cụm dân cư Cà Vàng	Đường loại 1		600
		Đường loại 2		400
10	Cụm dân cư ngã ba Thông Bình	Đường loại 1		500
		Đường loại 2		400
11	Tuyến dân cư bờ Bắc Kênh Tân Thành - Lò Gạch	Toàn tuyến		500
12	Cụm dân cư Lăng Xăng 4 (5 sỏ)	Toàn tuyến		400
13	Chặng Xê Đá	Toàn tuyến		400

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
14	Đường tỉnh ĐT 843	Cầu kênh Tân Thành	Cụm dân cư Long Sơn Ngọc mở rộng lần 2	800
15	Lộ 30 cũ	Cầu bưng Năm Hăng	Đồn Biên phòng Thông Bình	500
16	Đường xã Thông Bình - Tân Phước			
	Bờ Đông	Chợ biên giới Thông Bình	Bến đò Long Sơn Ngọc	400
		Bến đò Long Sơn Ngọc	Miếu ông Tiền Hiền	400
	Bờ Tây	Đồn biên phòng Thông Bình	Bến đò Long Sơn Ngọc	400
17	Đường Tân Thành A - Tân Phước			
	Bờ Tây	Cụm dân cư Long Sơn Ngọc	Cầu Bắc Viện (trừ Cụm dân cư Cà Sờ)	600
		Cụm dân cư Tân Thành A	Kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng	400
18	Đường Thông Bình - Hưng Điền	Cụm dân cư bờ đông Long Sơn Ngọc	Ranh Tây Ninh	400
19	Đường bờ Đông kênh Tân Thành	Cụm dân cư 30 cũ	Kênh Tân Thành Lò Gạch	400
		Kênh Tân Thành Lò Gạch	Kênh Cà Mũi	400
		Kênh Cà Mũi	Kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng	400
20	Đường tuần tra biên giới (Tân Hưng - phường Hồng Ngự)	Toàn tuyến		400
21	Đường kênh ngọn cũ	Toàn tuyến		400
22	Đường Bờ bắc Kênh Chín Kheo	Toàn tuyến		400
23	Đường bờ bắc, bờ nam kênh Cà Mũi	Toàn tuyến		400

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
24	Đường bờ Bắc kênh Bắc Viện	Toàn tuyến		400
25	Đường bờ Bắc, bờ Nam kênh Cà Cháp 1	Toàn tuyến		400
26	Tuyến dân cư Bắc Viện - Bờ Đông Kênh Tân Thành	Toàn tuyến		500
27	Tuyến dân cư bờ Đông kênh Tân Thành	Toàn tuyến		600
28	Đường kênh Sa Trung (bờ Nam, bờ Bắc)	Toàn tuyến		400
29	Đường Đan Công Bình	Toàn tuyến		400
30	Đường dẫn lên cầu Cái Cái (bờ Đông, bờ Tây rạch Cái Cái)	Toàn tuyến		500
31	Đường dẫn lên cầu Long Song (bờ Đông bờ Tây, rạch Cái Cái)	Toàn tuyến		600
32	Đường nội bộ cụm dân cư Cà Vàng	Đường loại 4		400
33	Cụm dân cư Ba Lê Hiếu	Đường loại 2		400



47. XÃ TÂN HỘ CƠ

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Chợ Tân Hộ Cơ	Đường loại 1		2.200
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
		Đường loại 4		400
2	Cụm tái định cư Dinh Bà	Đường loại 1		1.700
		Đường loại 2		700
		Đường loại 3		500
		Đường loại 4		400
3	Cụm dân cư Dinh Bà 1	Đường loại 1		3.400
		Đường loại 2		2.200
		Đường loại 3		1.700
		Đường loại 4		1.200
4	Cụm dân cư Dinh Bà 2	Đường loại 1		3.400
		Đường loại 2		2.200
		Đường loại 3		1.700
		Đường loại 4		1.200
5	Cụm dân cư Dinh Bà (giai đoạn 2)	Đường loại 1		2.800
		Đường loại 2		2.500
6	Cụm dân cư khu C1 Dinh Bà	Đường loại 1		2.800
		Đường loại 2		2.500
7	Cụm dân cư Đuôi Tôm	Toàn khu		400
8	Cụm dân cư Vọng Nguyệt	Toàn khu		400
9	Cụm dân cư Lãng Xăng	Toàn khu		400
10	Cụm dân cư Cây Dương	Đường loại 1		700
		Đường loại 2		500
11	Quốc lộ 30	Ngã 3 Đồn Biên phòng 909	Chợ Dinh Bà	1.800

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
12	Đường tỉnh ĐT 843	Cầu 72 nhịp	Tâm đường Gò Tre (kê Cả đường dẫn vào cầu Việt Thước)	1.100
		Tâm đường Gò Tre	Cầu kênh Tân Thành	800
13	Lộ 30 cũ	Ngã 3 Quốc lộ 30 (đồn biên phòng 909)	Lộ Việt Thước	500
		Đường vào chốt biên phòng (trừ cụm dân cư Cây Dương)	Toàn tuyến	500
14	Lộ Việt Thước	Toàn tuyến		400
15	Lộ quốc phòng	Toàn tuyến		400
16	Đoạn từ kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng đến cầu Tứ Tân	Toàn tuyến		400
17	Kênh Tân Hòa (Bờ Đông, Bờ Tây)	Toàn tuyến		400
18	Kênh Đuôi Tôm (Bờ Nam, Bờ Bắc)	Toàn tuyến		400
19	Đường bờ Bắc kênh Tân Thành Lò Gạch	Toàn tuyến		600
20	Đường bờ bắc kênh Tứ Tân	Toàn tuyến		400
21	Đường bờ Tây kênh Tân Thành	Toàn tuyến		400
22	Đường Gò Tre	Toàn tuyến		400
23	Đường dọc theo Tuyến dân cư Bình Phú - Dinh Bà	Toàn tuyến		400
24	Đường bờ Nam kênh Tứ Tân	Toàn tuyến		400



48. XÃ AN PHƯỚC

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Chợ Giồng Găng	Đường loại 1		3.400
		Đường loại 2		1.500
		Đường loại 3		800
2	Chợ Tân Phước	Đường loại 1		1.700
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
3	Chợ An Phước	Đường loại 1		1.700
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
4	Cụm dân cư Tân Phước	Đường loại 1		800
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
5	Cụm dân cư Trung tâm An Phước	Đường loại 1		1.500
		Đường loại 2		1.000
		Đường loại 3		500
6	Cụm dân cư Giồng Găng	Đường loại 1		2.400
		Đường loại 2		1.800
		Đường loại 3		1.400
7	Đường tỉnh ĐT 842	Kênh Phú Thành	Cầu Giồng Găng	1.200
		Dốc cầu Giồng Găng	Đầu cầu Phú Đức	800
		Giáp chợ Giồng Găng	Đường nước nông trường	2.200
		Đường nước nông trường	Cây xăng Tân Phước	800
		Cây xăng Tân Phước	Cầu Tân Phước - Tân Thành A	1.400
8	Đường tỉnh ĐT 843	Kênh Phú Hiệp	Giáp đường tỉnh ĐT 842	1.200

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
9	Đường tỉnh ĐT 842 cũ	Đường nội bộ xã Tân Phước cũ: từ Đường tỉnh ĐT 842	Kênh Phước Xuyên	1.000
		Đường mé sông kênh Hồng Ngự	Vĩnh Hưng	1.000
		Kênh K12	Giáp Đường tỉnh ĐT 842	800
		Giáp Đường tỉnh ĐT 842	Giáp Đoàn kinh tế quốc phòng 959	800
10	Đường tỉnh ĐT 845	Giáp ranh xã Hòa Bình	Tuyến dân cư đường dẫn vào cầu Tân Phước	800
11	Đường Tân Thành A - Tân Phước	Giáp ranh xã Tân Thành	Cầu Tân Phước	400
12	Đường bờ Đông kênh Tân Thành	Toàn tuyến		400
13	Đường bờ Tây kênh Tân Thành	Toàn tuyến		400
14	Đường kênh Cô Đông	Toàn tuyến		400
15	Đường Gò Rượu	Toàn tuyến		400
16	Đường bờ đông kênh Sa Rài	Kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng	Cầu Tứ Tân	400
17	Đường bờ Đông kênh Phú Thành	Toàn tuyến		400
18	Đường bờ Đông kênh K12	Toàn tuyến		400
19	Đường kênh Phú Đức	Toàn tuyến		400
20	Đường kênh ngọn cũ	Toàn tuyến		400
21	Đường tuyến dân cư đường vào cầu Tân Phước - Tân Hưng	Toàn tuyến		1.200

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
22	Đường tuyến dân cư bờ Đông kênh Phước Xuyên	Toàn tuyến		400
23	Đường bờ Nam kênh Giồng Nhỏ	Toàn tuyến		400
24	Đường tuyến dân cư bờ Đông kênh Phú Thành	Toàn tuyến		400

49. XÃ THƯỜNG PHƯỚC

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường Trần Anh Điền	Toàn tuyến		6.000
2	Đường Phạm Hữu Lầu	Đường Nguyễn Thị Lựu	Đường Nguyễn Văn Phối	8.000
		Đường Nguyễn Văn Phối	Đường Trần Hữu Thường	6.000
3	Đường Nguyễn Văn Trí	Đường Nguyễn Thị Lựu	Đường Nguyễn Văn Phối	8.000
		Đường Nguyễn Văn Phối	Đường Trần Hữu Thường	6.000
4	Đường Nguyễn Xuân Trường	Toàn tuyến		6.000
5	Đường Nguyễn Thị Lựu	Toàn tuyến		6.000
6	Đường Trần Văn Lắm	Toàn tuyến		6.000
7	Đường Nguyễn Văn Tiếp	Toàn tuyến		6.000
8	Đường Trần Thị Nhượng	Toàn tuyến		8.000
9	Đường Phạm Hoàng Dũng	Toàn tuyến		6.000
10	Đường Nguyễn Văn Bảnh	Toàn tuyến		6.000
11	Đường Nguyễn Văn Phối	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Thị Lựu	8.000
		Đường Nguyễn Thị Lựu	Ranh đầu Khu hành chính	6.000
		Ranh đầu Khu hành chính	Sông Tiền	4.000
12	Đường Trần Hữu Thường	Toàn tuyến		4.000
13	Chợ Thường Thới Tiền (chợ trung tâm)	Đường đối diện nhà lồng chợ	Toàn tuyến	3.000
		Các đường còn lại	Toàn tuyến	1.600

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
14	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		5.600
15	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Toàn tuyến		5.600
16	Đường Lê Hồng Phong	Toàn tuyến		5.600
17	Đường Hà Huy Tập	Toàn tuyến		5.600
18	Đường Nguyễn Văn Cừ	Toàn tuyến		5.600
19	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Toàn tuyến		5.600
20	Đường Nguyễn Lương Bằng	Toàn tuyến		5.600
21	Đường Hồ Tùng Mậu	Toàn tuyến		5.600
22	Đường Kim Đồng	Toàn tuyến		5.600
23	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		5.600
24	Đường Trường Chinh	Toàn tuyến		5.600
25	Đường Châu Văn Liêm	Toàn tuyến		5.600
26	Đường Nguyễn Hữu Huân	Toàn tuyến		5.600
27	Đường Nguyễn Thái Học	Toàn tuyến		5.600
28	Đường Nguyễn Minh Trí	Toàn tuyến		5.600
29	Đường Út Tịch	Toàn tuyến		5.600
30	Đường Lê Duẩn	Toàn tuyến		5.600
31	Đường Nguyễn Văn Linh	Toàn tuyến		2.000
32	Đường Hùng Vương	Đường Mương Đồng Hòa	Kênh Út Góc	5.600
		Kênh Út Góc	Đường Nguyễn Văn Phổi	16.000
		Đường Nguyễn Văn Phổi	Đường Lê Hồng Phong	6.000
		Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Văn Linh	6.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
33	Đường Võ Chí Công	Toàn tuyến		5.600
34	Đường Phan Đăng Lưu	Toàn tuyến		5.600
35	Đường Trần Văn Giàu	Toàn tuyến		5.600
36	Đường Nguyễn Tất Thành	Toàn tuyến		5.600
37	Đường Phạm Hùng	Toàn tuyến		5.600
38	Đường Tôn Đức Thắng	Toàn tuyến		5.600
39	Đường Lý Tự Trọng	Toàn tuyến		5.600
40	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Toàn tuyến		5.600
41	Đường Nguyễn Viết Xuân	Toàn tuyến		5.600
42	Đường Nguyễn Trung Trục	Toàn tuyến		5.600
43	Đường Nguyễn Thị Định	Toàn tuyến		5.600
44	Đường 30 tháng 4	Đường Nguyễn Văn Phổi	Đường Trần Hữu Thưởng	16.000
		Đường Trần Hữu Thưởng	Đường Nguyễn Văn Linh	5.600
45	Đường Ngô Quyền	Toàn tuyến		2.800
46	Đường Cách mạng Tháng Tám	Toàn tuyến		2.000
47	Cụm dân cư Chợ Thưởng Phước	Toàn tuyến		1.400
48	Cụm dân cư xã Thưởng Phước (10,6 ha)	Đường loại 1		1.600
		Đường loại 2		1.000
49	Cụm dân cư xã Thưởng Phước (7,3 ha)	Đường loại 1		1.400
		Đường loại 2		800
50	Cụm dân cư Giồng Bàn xã Thưởng Phước	Toàn khu		300

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
51	Cụm dân cư Tứ Thường, xã Thường Phước	Toàn khu		300
52	Cụm dân cư Nam Hang xã Thường Phước	Toàn khu		300
53	Đường tỉnh ĐT 841	Ranh phường Thường Lạc và xã Thường Phước	Đầu cầu Trung tâm	2.400
		Đầu cầu Trung Tâm	Mương Xã Song	3.200
		Mương Xã Song	Mương Đồng Hoà	4.000
		Đường Nguyễn Văn Linh	Đầu Cầu Kênh Cũ	1.600
		Cầu Kênh Cũ	Lộ 3 Mướt	1.400
		Lộ 3 Mướt	Cụm dân cư mở rộng 7,3 ha	2.000
		Cụm dân cư 7,3 ha	Hết Cụm dân cư 10,6 ha	2.800
54	Tuyến dân cư Ấp 2, xã Thường Phước 2	Toàn tuyến		5.000
55	Tuyến dân cư kênh cũ (bờ Bắc)	Toàn tuyến		300
56	Tuyến dân cư kênh cũ (bờ Nam)	Toàn tuyến		300
57	Tuyến dân cư Đoạn cải tiến	Đường Hùng Vương	Trường Mẫu giáo Điểm ấp 2	3.000
		Trường Mẫu giáo Điểm ấp 2	Hết tuyến	1.600

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
58	Đường ra Bến đò Mường Miếu - Tân Châu	Đường 30 tháng 4	Đường Cách mạng Tháng Tám	2.000
59	Đường ra bến phà Thường Phước 1 - Vĩnh Xương (bến phà mới)	Toàn tuyến		2.100
60	Đường ra bến phà Thường Phước 1 - Vĩnh Xương (bến phà cũ)	Toàn tuyến		1.000
61	Đường tuần tra biên giới	Toàn tuyến		450
62	Đường A20 cửa khẩu quốc tế Thường Phước	Toàn tuyến		1.000
63	Đường nhựa còn lại thuộc ấp Thường Thới, Thượng, Trung Tâm, Trung	Toàn tuyến		2.000
64	Đường nhựa thuộc các ấp 1, 2, 3, Chòm Xoài, Mường Miếu, Phước Tiền, Mường Kênh	Toàn tuyến		500
65	Đường đan còn lại thuộc ấp Thường Thới, Thượng, Trung Tâm, Trung	Toàn tuyến		1.600

50. XÃ LONG KHÁNH

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Cụm dân cư Cây Sung	Đường loại 1		2.200
		Đường loại 2		2.000
2	Cụm dân cư trung tâm xã Long Khánh B	Đường loại 1		1.000
		Đường loại 2		600
3	Đường cù lao lớn	Toàn tuyến		600
4	Đường Cù lao nhỏ	Toàn tuyến		375
5	Đường Giồng Long Khánh	Toàn tuyến		400
6	Đường tắt Nam Hang	Toàn tuyến		600
7	Đường nhựa liên xã xuống bến đò Chợ Miếu	Toàn tuyến		1.000

51. XÃ LONG PHÚ THUẬN

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Tuyến dân cư đường tắt Phú Thuận A - B, đoạn từ đường Long - Phú Thuận (Đường nhựa liên xã) đến ngã 3 Tuyến dân cư Long Thuận - Mương Lớn	Đường loại 2		1.710
2	Đường Long - Phú Thuận (Đường nhựa liên xã)	Đường xuống bến phà Mương Lớn	Đường tắt số 21	1.000
		Đường xuống bến phà Mương Lớn	Đường nhánh Hai Ngọn	800
3	Tuyến dân cư Đường tắt số 3	Toàn tuyến		1.000
4	Tuyến dân cư Long Thuận	Toàn tuyến		1.070
5	Tuyến dân cư Long Thuận nối dài	Toàn tuyến		1.070
6	Tuyến dân cư Long Thuận - Mương Lớn	Toàn tuyến		1.080



52. XÃ AN HÒA

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Chợ xã An Hòa (gồm: khu vực chợ và đoạn đường Quốc lộ 30 từ Bắc cầu Trung Tâm - Nam đường vào chợ Cụm dân cư An Hòa)	Đường loại 1		2.600
		Đường loại 2		2.200
		Đường loại 3		1.600
		Đường loại 4		1.000
2	Cụm dân cư Trung tâm xã An Hòa	Đường loại 1		2.000
		Đường loại 2		1.500
		Đường loại 3		1.100
		Đường loại 4		1.000
3	Cụm dân cư Phú Thành B	Đường loại 1		900
		Đường loại 2		800
		Đường loại 3		700
		Đường loại 4		600
4	Cụm dân cư Cả Nở	Đường loại 1		1.300
		Đường loại 2		900
		Đường loại 3		700
		Đường loại 4		600
5	Tuyến dân cư An Bình	Toàn tuyến		1.000
6	Quốc lộ 30	Ranh An Long - An Hòa	Ranh đất phía nam UBND xã An Hòa	1.700
		Ranh đất phía Nam UBND xã An Hòa	Phía Nam cầu Trung tâm	2.400
		Phía Bắc đường vào chợ Cụm dân cư xã An Hoà	Ranh phường An Bình	1.700
7	Đường liên xã An Hòa - An Long	Ranh phường An Bình	Ranh chợ cũ xã An Hòa	800
		Phía Nam kênh An Bình	Ranh xã An Long	1.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
8	Huyện lộ An Hòa - Hòa Bình	Quốc lộ 30	Tây cầu kênh 2 tháng 9	1.000
		Phía Đông cầu kênh 2 tháng 9	Ranh xã Tam Nông	800



53. XÃ TAM NÔNG

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Chợ Phú Hiệp	Đường loại 1		4.000
		Đường loại 2		2.800
		Đường loại 3		2.000
		Đường loại 4		1.600
2	Cụm dân cư Trung tâm Phú Đức	Đường loại 1		900
		Đường loại 2		800
		Đường loại 3		700
		Đường loại 4		600
3	Cụm dân cư ấp Phú Xuân, Phú Đức	Đường loại 1		900
		Đường loại 2		800
		Đường loại 3		700
		Đường loại 4		600
4	Cụm dân cư Phú Hiệp (kể cả Cụm dân cư mở rộng)	Đường loại 1		3.200
		Đường loại 2		2.400
		Đường loại 3		1.800
		Đường loại 4		1.200
5	Tuyến dân cư ấp K12, Phú Hiệp	Toàn tuyến		1.000
6	Đoạn từ ranh Tràm Chim - ranh đất phía Nam Cụm dân cư Phú Hiệp	Toàn tuyến		1.200
7	Đoạn từ phía Nam Cụm dân cư Phú Hiệp - bờ Nam cầu Phú Hiệp (đối với phía Đông Đường tỉnh ĐT 843)	Toàn tuyến		3.000
8	Tỉnh lộ 843	Bắc cầu Phú Hiệp	Ranh đất phía Bắc UBND xã Tam Nông	1.700
		Phía Bắc UBND xã Tam Nông (xã Phú Hiệp)	Ranh Tân Hồng	1.200

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
9	Huyện lộ An Hòa - Hòa Bình	Ranh xã An Hòa (cầu ranh Phú Thành B - Phú Hiệp cũ)	ĐT 843	1.200
		Cụm dân cư Phú Xuân (phía Đông)	Cầu ranh xã Tràm Chim (cầu Lung Bông)	1.500
10	Từ cầu Phú Hiệp (bờ Đông) - Cầu kênh K8 (bờ Tây)	Toàn tuyến		1.800
11	Từ cầu kênh K8 (Bờ Đông) - Cụm dân cư Phú Xuân (phía Tây)	Toàn tuyến		1.500
12	Bờ Nam kênh An Bình	Đường tỉnh ĐT 843	Giáp ranh Vườn Quốc gia Tràm Chim	2.200



54. XÃ PHÚ THỌ

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Chợ xã Phú Thành A	Đường loại 1		4.000
		Đường loại 2		2.800
		Đường loại 3		2.000
		Đường loại 4		1.600
2	Chợ xã Phú Thọ	Đường loại 1		3.200
		Đường loại 2		2.400
		Đường loại 3		1.800
		Đường loại 4		1.000
3	Cụm dân cư xã Phú Thọ	Đường loại 1		1.000
		Đường loại 2		800
		Đường loại 3		700
		Đường loại 4		600
4	Cụm dân cư xã Phú Thành A (kể cả chợ cũ và đoạn Đường ĐT 844 từ Tây đường vào chợ mới Phú Thành A - Đông cầu Phú Thành A)	Đường loại 1		4.800
		Đường loại 2		3.600
		Đường loại 3		2.800
		Đường loại 4		1.800
5	Cụm dân cư ấp Long Phú A, xã Phú Thành A (Bao gồm GD 1 + GD 2 (trừ đoạn chợ cũ và đoạn Đường ĐT 844 từ Tây đường vào chợ mới Phú Thành A - Đông cầu Phú Thành A)	Đường loại 1		900
		Đường loại 2		800
		Đường loại 3		700
		Đường loại 4		600

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
6	Đường tỉnh ĐT 844	Cầu Tổng Đài	Cầu Phú Thọ	1.800
		Ranh phía Tây đất Trường Tiểu học Phú Thọ A	Phía Đông đường vào Cụm dân cư xã Phú Thành A (giai đoạn 1)	2.550
		Phía Đông Cụm dân cư Phú Thành A (giai đoạn 1)	Phía Đông đường vào chợ mới Phú Thành A (đối với phía Nam Đường tỉnh ĐT 844)	4.500
		Cầu Phú Thành A	Ranh xã An Long (Hết ranh xã Phú Thọ mới)	2.250
7	Đường liên xã An Long - Phú Ninh - Phú Thành A	Ranh xã An Long (Phú Ninh cũ)	Cầu rạch Ba Răng	1200



55. XÃ TRÀM CHIM

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường 1 tháng 5	Toàn tuyến		13.600
2	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ranh xã Phú Cường	Cầu kênh Đường Gạo 1	3.400
		Cầu kênh Đường Gạo 1	Đường Thiên Hộ Dương	6.000
		Đường Thiên Hộ Dương	Cầu Tràm Chim	3.000
		Cầu Tràm Chim	Cầu Tổng Đài	2.400
3	Đường Nguyễn Sinh Sắc	Toàn tuyến		12.000
4	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Sinh Sắc	Cầu Dây	18.000
		Cầu Dây	Cầu Huyện Đội	6.000
		Cầu Huyện Đội	Ranh Tân công Sính	4.800
5	Đường Hai Bà Trưng	Toàn tuyến		18.000
6	Đường Huỳnh Công Sính	Đường Nguyễn Sinh Sắc	Đường 1 tháng 5	18.000
		Đường 1 tháng 5	Đường Phạm Hữu Lầu (Thiên Hộ Dương cũ)	12.000
		Đường Phạm Hữu Lầu (Thiên Hộ Dương cũ)	Phía tây tuyến dân cư khóm 2 và các hẻm ngang	12.000
7	Đường Bùi Thị Xuân	Toàn tuyến		18.000
8	Đường 2 tháng 9	Toàn tuyến		18.000
9	Đường Phạm Hữu Lầu	Toàn tuyến		12.000
10	Đường Huyền Trân Công Chúa	Đường Nguyễn Sinh Sắc	Đường 1 tháng 5	18.000
		Đường 1 tháng 5	Đường Phạm Hữu Lầu và các hẻm ngang	9.200
		Đường Phạm Hữu Lầu	Cuối đường và các hẻm ngang	9.200

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
11	Đường Võ Văn Kiệt	Ranh xã Phú Cường	Đường Nguyễn Huệ	9.000
		Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Hưng Đạo	12.600
		Đường Trần Hưng Đạo	Cầu kênh Đường Gạo 3	12.600
		Cầu kênh Đường Gạo 3	Ranh Thanh Bình	9.000
12	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	Kênh Đường Gạo	12.600
		Kênh Đường Gạo	Đường Tràm Chim	22.500
		Đường Tràm Chim	Ranh đất phía Đông nhà thờ Thiên Phước	15.600
		Ranh đất phía Đông nhà thờ Thiên Phước	Hết nền số 10, lô A4-22. Quy hoạch chính trang Khu dân cư Khóm 1, Tràm Chim (giai đoạn 1) (bờ Bắc)	12.600
		Ranh hết nền số 10, lô A4-22, Quy hoạch Chính trang khu dân cư Khóm 1, Tràm Chim (giai đoạn 1)	Cầu Sắt Tổng Đài (bờ Bắc)	5.100
		Đường Nguyễn Văn Tre	Cầu Sắt Tổng Đài (bờ Nam)	5.400
13	Đường 3 tháng 2	Toàn tuyến		4.200
14	Đường Tràm Chim	Kênh Hậu, Cụm dân cư Tràm Chim	Cụm dân cư khóm 2, Tràm Chim	8.700
		Cầu Tràm Chim	Đường Nguyễn Trung Trực	3.600
15	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trãi	Cầu Trung Tâm	2.400
		Cầu Trung Tâm	Đường Võ Văn Kiệt	6.900
16	Đường Nguyễn Trung Trực	Toàn tuyến		2.400
17	Đường Tôn Thất Tùng	Toàn tuyến		1.500

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
18	Đường Bắc kênh hậu Cụm dân cư thị trấn Tràm Chim	Kênh Đường Gạo	Đường Nguyễn Du	10.800
19	Đường Nguyễn Du	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Tràm Chim	10.800
		Đường Tràm Chim	Đường Nguyễn Văn Tre	5.400
		Đường Nguyễn Văn Tre	Kênh Tổng Đài	3.000
20	Đường Lê Thị Riêng	Toàn tuyến		3.000
21	Đường Nguyễn Đình Chiều	Ranh kênh Tổng Đài	Phía Tây TDC Nam kênh Hậu	1.500
		Phía Tây TDC Nam kênh Hậu	Phía Đông TDC Nam kênh Hậu	1.500
		Phía Đông TDC Nam kênh Hậu	Cầu kênh Đường Gạo 3	1.500
22	Đường Võ Thị Sáu	Đường Thiên Hộ Dương	Đường Tràm Chim	4.500
		Đường Tràm Chim	Phía Tây tuyến dân cư khóm 2	2.700
23	Đường Thiên Hộ Dương	Đường Nguyễn Chí Thanh (cặp nhà ông Tư Nghinh)	Đường Huyền Trân Công Chúa	4.500
24	Đường số 3 cụm dân cư Tràm Chim (cặp phía Tây trạm cấp nước Tam Nông)	Toàn tuyến		7.200
25	Đường số 10 cụm dân cư thị trấn Tràm Chim (phía Đông bến xe)	Toàn tuyến		3.600
26	Đường số 11 cụm dân cư Tràm Chim (phía Tây bến xe)	Toàn tuyến		3.600
27	Đường số 13 cụm dân cư Tràm Chim (đường giữa từ đường số 3 đến quán Ông Thiện cháo cá)	Toàn tuyến		3.600

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
28	Đường Thống Linh	Toàn tuyến		1.800
29	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện	Đường Nguyễn Huệ	2.700
		Đường Nguyễn Huệ	Phía Đông cụm dân cư ấp 3B	2.400
30	Đường số 2 cụm dân cư khóm 5 (ấp 3), Tràm Chim(đường giữa lô C và lô D)	Toàn tuyến		1.800
31	Đường 30 tháng 4	Phía sau Đài Truyền thanh huyện	Đường Nguyễn Huệ	2.700
		Đường Nguyễn Huệ	Đường Trương Định	2.700
32	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Đốc Binh Kiều	Hết phía sau Đài Truyền thanh huyện	2.700
33	Đường số 5 cụm dân cư khóm 5 (ấp 3), Tràm Chim	Đường số 1	Đường số 3	2.700
34	Đường Nguyễn Xuân Trường	Toàn tuyến		4.500
35	Đường Trương Định	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Cách Mạng Tháng Tám	5.400
36	Đường Phan Bội Châu	Toàn tuyến		1.500
37	Đường Phan Chu Trinh	Toàn tuyến		1.500
38	Đốc Binh Kiều	Tòa án	Cách Mạng Tháng Tám	1.500
39	Đường Nguyễn Thế Hữu	Toàn tuyến		1.500
40	Đường số 9 cụm dân cư khóm 5 (ấp 3B), Tràm Chim	Lô L	Lô S	1.500
41	Các đường ngang còn lại cụm dân cư khóm 5 (ấp 3B), Tràm Chim	Toàn tuyến		1.500

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
42	Nguyễn Văn Tre	Đường Nguyễn Du	Đường Đỗ Công Tường	3.000
43	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đỗ Công Tường	3.600
44	Đường Đỗ Công Tường	Toàn tuyến		3.600
45	Đường số 1 cụm dân cư khóm 4, Tràm Chim (phía Tây Cụm dân cư dân cư)	Đường Nguyễn Trãi	Cuối Cụm dân cư và các hẻm ngang từ đường số 1 sang đường số 2	1.500
46	Đường Phan Đình Giót	Toàn tuyến		1.500
47	Đường Ngô Gia Tự	Đường Trần Hưng Đạo	Hết khu dân cư Khóm 1	1.500
48	Đường số 1 thuộc Quy hoạch Chính trang Khu dân cư Khóm 1, Tràm Chim (giai đoạn 1)	Toàn tuyến		8.400
49	Đường số 6 thuộc Quy hoạch Chính trang Khu dân cư Khóm 1, Tràm Chim (giai đoạn 1)	Toàn tuyến		8.400
50	Đường Đặng Văn Bình	Toàn tuyến		8.400
51	Đường Nguyễn Quang Diêu	Toàn tuyến		6.300
52	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Toàn tuyến		6.300
53	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Toàn tuyến		5.400
54	Đường Hà Hồng Hổ	Toàn tuyến		4.500
55	Đường Nguyễn Thái Học	Toàn tuyến		1.500
56	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Toàn tuyến		1.500